Giới thiệu tác giả

Sinh năm 1974 tại Antibes, Guillaume Musso là tác giả được đọc nhiều nhất tại Pháp. Ông thành công với những cuốn tiểu thuyết mang màu sắc siêu thực, được dịch ra 38 thứ tiếng. Từ nhiều năm nay, Musso được coi là một trong những tác giả không thể không nhắc đến ở dòng tiểu thuyết ly kỳ của Pháp, với những tác phẩm như Cuộc gọi từ thiên thần hay mới hơn là Central Park. Tác phẩm của Guillaume Musso còn được chuyển thể thành phim.

Nội dung

Một ngọn hải đăng cũ. Một căn phòng cấm. Một lời nguyền xuyên qua ba thế hệ.

Một cuộc gặp định mệnh. Một [tình yêu](http://tiki.vn/tieu-thuyet-tinh-cam-lang-man/c844) bùng cháy. Một trận chiến khốc liệt.

Một cuốn [tiểu thuyết](http://tiki.vn/sach-truyen-tieng-viet/sach-van-hoc.html) hồi hộp đến nghẹt thở. Một cái kết không thể dò đoán. Một tuyệt phẩm của Guillaume Musso.

“Một cuốn tiểu thuyết cực kỳ hiệu quả, dành để đọc trong vòng 24 giờ và sẽ là có tội nếu ta tiết lộ trước đoạn kết.”  
   
 (L’Express)

Tình yêu có răng và những vết cắn của nó không bao giờ lành nổi.

Stephen KING

“Một Musso tuyệt vời!”

FRANCE 5

“Stephen King của nước Pháp khiến chúng ta sửng sốt trên từng trang sách.”

RTL

“Một cơn lốc xoáy đáng sợ kết thúc một cách hết sức bất ngờ.”

NICE MATIN

“Một cảm giác hồi hộp lôi cuốn đến khủng khiếp.”

LE JOURNAL DE MONTREAL

“Cuốn tiểu thuyết siêu thực kết hợp với lãng mạn cuốn hút độc giả ngay từ những trang đầu.”

MIDI LIBRE

Mục lục

Bjghhjg

~♥~♥~♥~♥~♥~♥~♥~♥~♥~♥~♥~♥~

[Câu chuyện về nỗi sợ của chúng ta](file:///D:\Ebook-Center\Giây%20phút%20này.docx#filepos25663)

[Phần một](file:///D:\Ebook-Center\Giây%20phút%20này.docx#filepos31415)

[NGỌN HẢI ĐĂNG](file:///D:\Ebook-Center\Giây%20phút%20này.docx#filepos31606)

[Phần hai](file:///D:\Ebook-Center\Giây%20phút%20này.docx#filepos133160)

[Ở NHỮNG NƠI VÔ ĐỊNH](file:///D:\Ebook-Center\Giây%20phút%20này.docx#filepos133475)

[Phần ba](file:///D:\Ebook-Center\Giây%20phút%20này.docx#filepos535167)

[NGƯỜI ĐÀN ÔNG VẮNG BÓNG](file:///D:\Ebook-Center\Giây%20phút%20này.docx#filepos535481)

[Phần bốn](file:///D:\Ebook-Center\Giây%20phút%20này.docx#filepos764785)

[GIA TỘC COSTELLO](file:///D:\Ebook-Center\Giây%20phút%20này.docx#filepos765102)

[Phần năm](file:///D:\Ebook-Center\Giây%20phút%20này.docx#filepos1004850)

[CUỐN TIỂU THUYẾT DỞ DANG](file:///D:\Ebook-Center\Giây%20phút%20này.docx#filepos1005164)

Câu chuyện về nỗi sợ của chúng ta

Câu chuyện về cuộc đời chúng ta là câu chuyện

về nỗi sợ của chúng ta.

Pablo de SANTIS

1971

- Đừng sợ, Arthur. Nhảy đi! Bố sẽ đỡ con.

- Bố… bố chắc chứ?

Tôi năm tuổi. Tôi đang ngồi trên tấm đệm cao nhất trong chiếc giường tầng thường ngủ cùng anh trai, chân buông thõng. Hai cánh tay dang rộng, bố đang nhìn tôi bằng ánh mắt hiền từ.

- Nhảy đi nào, chàng trai lớn đùng của bố!

- Nhưng con sợ…

- Bố sẽ đỡ con, bố nói rồi đấy thôi. Con tin tưởng bố của con chứ, chàng trai lớn đùng của bố?

- À vâng ạ…

- Vậy thì nhảy đi nào, nhà vô địch!

Tôi vẫn lắc lư cái đầu tròn lủng của mình thêm vài giây nữa. Rồi tôi cười ngoác miệng, lao mình vào không trung, sẵn sàng đu bám vào cổ người đàn ông mình yêu thương nhất trần đời.

Nhưng vào tích tắc cuối cùng, bố tôi, Frank Costello, cố tình lùi lại một bước, và tôi rơi bịch xuống. Hàm và đầu va vào sàn nhà đau điếng. Choáng váng, tôi mất một lúc mới đứng dậy được. Đầu tôi quay cuồng còn xương gò má hõm lại. Trước khi tôi kịp nước mắt ngắn nước mắt dài, bố đã dạy cho tôi một bài học mà tôi sẽ không bao giờ quên:

- Trên đời này, con không nên tin tưởng một ai, con hiểu chứ, Arthur?

Tôi khiếp đảm nhìn bố.

- KHÔNG MỘT AI! Ông nhắc lại với vẻ buồn rầu pha lẫn cơn giận bản thân. Kể cả bố của con!

Phần một

NGỌN HẢI ĐĂNG

HAI MƯƠI TƯ NGỌN GIÓ

Lighthouse

Tôi tự hỏi quá khứ dành cho chúng ta điều gì.

Françoise SAGAN

1.

Boston

Mùa xuân 1991

Thứ Bảy đầu tiên của tháng Sáu, bố đã đổ bộ xuống nhà tôi ngay lúc 10 giờ sáng mà không hề báo trước. Ông mang theo một chiếc bánh Gênes cùng mấy chiếc bánh cannoli vị chanh mà vợ ông đã làm tặng riêng tôi.

- Con biết sao không, Arthur? Bố con ta có thể ở bên nhau cả ngày hôm nay, ông đề xuất rồi bật máy pha expresso như thể đang ở nhà mình.

Tôi đã không gặp ông kể từ Giáng sinh năm ngoái. Chống khuỷu tay lên bàn bếp, tôi ngắm nhìn hình ảnh phản chiếu của mình trên lớp crôm của lò nướng bánh mì. Khuôn mặt tôi râu ria xồm xoàm, tóc rối bù, mắt trũng sâu thâm quầng, thiếu ngủ và uống quá nhiều rượu apple martini. Tôi mặc chiếc áo phông Blue Öyster Cult cũ kỹ mua từ hồi trung học và chiếc quần cộc Bart Simpson bạc phếch. Tối qua, sau ca trực dài bốn mươi tám tiếng, tôi đã nốc vài ly quá đà tại bar Zanzi cùng Veronika Jelenski, nữ y tá gợi cảm nhất và hiền lành nhất bệnh viện đa khoa Massachusetts.

Người đẹp Ba Lan đã ở bên tôi vài tiếng ban đêm, nhưng rồi nảy ra ý tưởng hay ho là chuồn đi cách đây hai giờ, mang theo gói cần sa nhỏ cùng mớ giấy cuốn, bằng cách đó tránh được cuộc đụng độ tai hại với bố tôi, một trong những nhân vật có vai vế của khoa phẫu thuật thuộc bệnh viên nơi cả hai chúng tôi làm việc.

- Một tách đúp expresso, cú kích hiệu quả nhất để khởi đầu ngày mới, Frank Costello vừa khẳng định vừa đặt xuống trước mặt tôi một tách cà phê đậm đặc.

Ông mở cửa sổ để căn phòng vẫn còn lưu mùi cần sa hăng hắc được thông thoáng, nhưng tuyệt nhiên không bình luận câu nào. Tôi cầm một chiếc bánh lên rồi vừa đánh chén ngon lành vừa liếc nhìn ông chăm chú. Hai tháng trước ông vừa đón sinh nhật lần thứ năm mươi nhưng do mái tóc bạc trắng và những nếp nhăn hằn sâu trên khuôn mặt, dễ tưởng ông phải sáu mươi sáu lăm. Dẫu vậy, ông vẫn giữ được vóc dáng chuẩn, những đường nét cân đối và ánh mắt xanh màu trời kiểu Paul Newman. Sáng hôm đó, ông đã từ bỏ bộ com lê hàng hiệu cùng đôi giày da thửa riêng để khoác lên mình chiếc quần kaki cũ kỹ, chiếc áo pull đã sờn kiểu lái xe tải thường mặc và mang đôi giày công trường bằng da dày cộp.

- Cần và mồi câu bố để trong xe bán tải rồi, ông nói rồi uống cạn tách cà phê đen đặc. Nếu lên đường ngay bây giờ, bố con ta sẽ tới ngọn hải đăng trước giờ trưa. Chúng ta sẽ ăn nhanh rồi có thể chơi đùa với lũ cá tráp trọn buổi chiều. Nếu câu được nhiều, chúng ta sẽ quay lại nhà. Ta sẽ làm món cá bọc giấy bạc với cà chua, tỏi và dầu ô liu.

Ông nói với tôi như thể chúng tôi vừa từ biệt ngày hôm trước. Thái độ này có vẻ hơi giả dối, nhưng không hề gây khó chịu. Trong lúc nhấm nháp từng ngụm nhỏ tách cà phê của mình, tôi tự hỏi ông moi đâu ra cái mong muốn đột xuất là dành thời gian ở bên tôi này.

Những năm gần đây, mối quan hệ giữa hai bố con tôi hầu như không tồn tại. Tôi sắp tròn hai lăm. Tôi là con út trong gia đình có hai con trai và một con gái. Được sự nhất trí đầy rộng lượng của bố tôi, anh trai và chị gái tôi đã tiếp quản việc kinh doanh của gia đình vốn được ông nội tôi gây dựng - một hãng quảng cáo khiêm tốn tại Manhattan - và họ đã làm ăn phát đạt đủ để hy vọng chuyển nhượng hãng trong vòng vài tuần tới cho một tập đoàn truyền thông lớn.

Tôi thì vẫn luôn giữ khoảng cách với công việc kinh doanh của họ. Tôi là thành viên của gia đình, nhưng “từ xa”, hơi giống một ông chú phóng đãng ra nước ngoài sinh sống mà người ta gặp trong bữa ăn lễ Tạ ơn với tâm trạng không hề bực bội. Sự thật, đó là ngay khi có dịp, tôi đã chọn nơi xa Boston nhất để hoàn thành việc học: một khóa sơ cấp Y tại Duke, thuộc Bắc Carolina, bốn năm đại học Y tại Berkeley và một năm nội trú tại Chicago. Tôi mới quay trở lại Boston từ vài tháng nay để hoàn thành năm thứ hai kỳ nội trú chuyên khoa cấp cứu. Tôi làm việc miệt mài ngót tám mươi tiếng mỗi tuần, nhưng tôi yêu công việc này và chất adrenalin của nó. Tôi quý mến mọi người, tôi thích làm việc trong phòng cấp cứu và chấp nhận thực tế với những gì tàn khốc nhất. Phần thời gian còn lại, tôi kéo lê nỗi buồn chán của bản thân trong những quán bar khu North End, tôi hút cần, rồi tôi ngủ với các cô nàng hơi điên khùng và không đa cảm, kiểu giống Veronika Jelenski.

Đã từ lâu, bố luôn phản đối cách sống của tôi, nhưng tôi hầu như không chừa cho ông cơ hội công kích: tôi tự trang trải việc học của mình mà không xin ông xu nào. Năm mười tám tuổi, sau khi mẹ mất, tôi đã đủ sức rời khỏi nhà mà không chờ đợi thêm gì từ ông. Và sự xa cách này dường như không hề khiến ông thấy khổ tâm. Ông đã tái hôn cùng một trong những tình nhân của mình, một phụ nữ thông minh và duyên dáng, có tài chịu đựng ông. Tôi tới thăm họ mỗi năm đôi ba lần, và nhịp độ ấy có vẻ phù hợp với tất cả mọi người.

Thế nên buổi sáng hôm đó, nỗi ngạc nhiên của tôi chỉ được dịp lớn thêm. Như con quỷ nhảy bổ ra từ chiếc hộp, bố lại xuất hiện trong đời tôi, túm lấy tay áo mà dẫn tôi đi theo lối hòa giải trong khi tôi không còn trông đợi nữa.

- Được rồi, con có thích buổi đi câu này hay không hả giời? Frank Costello gạn hỏi, không thể che giấu lâu hơn nữa cơn cáu giận trước sự im lặng của tôi.

- Nhất trí mà bố. Chỉ cần đợi con tắm qua rồi thay đồ thôi.

Ông hài lòng lôi bao thuốc từ trong túi ra rồi châm một điếu bằng chiếc bật lửa nắp gạt cũ kỹ bằng bạc mà tôi vẫn thường thấy ông mang theo mình.

Tôi biểu lộ nỗi kinh ngạc của mình:

- Sau đợt chứng ung thư vòm họng của bố thuyên giảm, con cứ nghĩ bố đã thôi…

Ánh mắt như thép của ông xuyên thấu tôi.

- Bố đợi con trong xe, ông đáp rồi đứng dậy rời khỏi ghế, thở ra một hơi khói dài màu xanh lơ.

2.

Hành trình từ Boston tới mạn Đông Cap Cod mất chưa đầy một tiếng rưỡi. Đó là buổi sáng cuối xuân đẹp trời. Bầu trời trong vắt và sáng rỡ, mặt trời rọi loang loáng trên kính chắn gió, rắc ra những hạt li ti vàng rực phấp phới trên bảng điều khiển. Trung thành với những thói quen, bố tôi không buồn nói chuyện, nhưng bầu không khí im lặng không đến nỗi nặng nề. Mỗi dịp cuối tuần, ông thích vừa lái chiếc xe bán tải hiệu Chevrolet vừa nghe mãi những cuộn băng cát sét quay vòng trong đài gắn trên xe: một tuyển tập những ca khúc hay nhất của Sinatra, một bản hòa nhạc của Dean Martin và một album nhạc đồng quê u ám được nhóm Everly Brothers thu âm ở giai đoạn cuối trong sự nghiệp. Dán trên kính sau là tấm đề can ủng hộ chiến dịch ứng cử của Ted Kennedy vào Thượng viện năm 1970. Thi thoảng bố tôi thích sắm vai nông dân quê mùa, nhưng ông là một trong những bác sĩ phẫu thuật lừng danh nhất Boston, và nhất là, ông nắm giữ cổ phần của một doanh nghiệp trị giá nhiều chục triệu đô. Trong công việc làm ăn, tất cả những ai để bản thân bị vẻ quê kệch của ông phỉnh phờ phải trả giá.

Chúng tôi đã qua cầu Segamore, đi tiếp chừng bốn mươi cây số nữa trước khi dừng chân tại quán Sam’s Seafood để mua bánh kẹp xa lát tôm hùm, khoai tây chiên và một lốc bia vàng.

Quá ngọ, chiếc xe bán tải tiến vào lối đi rải sỏi dẫn tới mũi Bắc của vịnh Winchester.

Chốn này hoang vu, bao quanh là đại dương cùng những mỏm đá, và hầu như thường xuyên có gió dập vùi. Chính tại đây, trên một thửa đất biệt lập được khoanh lại bởi các vách đá, mọc lên 24 Winds Lighthouse: ngọn hải đăng 24 Ngọn Gió.

Tháp đèn hiệu cũ kỹ là một công trình hình bát giác hoàn toàn bằng gỗ cao ước chừng mươi mười hai mét ở đỉnh cao nhất. Nó mọc cạnh một ngôi nhà ốp ván gỗ sơn trắng với phần mái nhọn bằng đá bảng. Những ngày đẹp trời, đó là chốn nghỉ ngơi dễ chịu, nhưng chỉ cần trời giăng mây hoặc màn đêm buông xuống là cảnh vật như trong bưu thiếp này nhường chỗ cho một bức tranh ảm đạm và mộng mị đậm phong cách Albert Pinkham Ryder. Ngọn hải đăng đã thuộc sở hữu gia đình được ba thế hệ. Ông nội tôi, Sullivan Costello đã mua nó vào năm 1954 từ bà vợ góa của một kỹ sư hàng không, ông này đã tậu ngọn hải đăng trong một cuộc đấu giá do chính phủ Mỹ tiến hành năm 1947.

Năm đó, vì thâm hụt ngân sách, chính phủ liên bang đã thanh lý hàng trăm vị trí không còn mang tầm quan trọng chiến lược đối với đất nước. 24 Winds Lighthouse nằm trong số đó, nó trở nên lỗi thời sau khi một ngọn hải đăng hiện đại hơn được xây dựng trên đồi Langford, xa hơn về phía Nam mười lăm cây số.

Hết sức hãnh diện về món đồ tậu được, ông nội tôi đã tiến hành cải tạo ngọn hải đăng và ngôi nhà gỗ để biến chúng thành nơi nghỉ dưỡng tiện nghi. Chính trong quãng thời gian tiến hành cải tạo, ông đã mất tích bí ẩn hồi đầu thu 1954.

Người ta tìm thấy ô tô của ông đậu trước nhà. Chiếc Chevrolet Bel Air tháo mui được của ông đang gập mui, chìa khóa xe đặt trên bảng điều khiển. Vào giờ nghỉ trưa, Sullivan có thói quen ngồi trên các mỏm đá để dùng bữa qua loa. Người ta nhanh chóng kết luận ông gặp tai nạn đuối nước. Ngay cả khi những đợt thủy triều không bao giờ xô dạt xác ông vào bờ, ông nội tôi vẫn được tuyên bố là đã chết, đuối nước trên bờ biển Maine.

Tuy không biết mặt nhưng tôi vẫn thường nghe những người từng quen biết ông nội mô tả về ông như một nhân vật hết sức độc đáo. Tên đệm của tôi được đặt theo tên rửa tội của ông, và vì anh cả tôi không muốn nên cũng chính tôi là người đeo chiếc đồng hồ của ông, một chiếc Tank Louis Cartier mẫu đầu những năm 1950, với hộp số hình chữ nhật và kim bằng thép xanh.

3.

- Cầm túi giấy và lốc bia nhé, chúng ta sẽ dùng bữa ngoài trời!

Bố tôi đóng sập cửa chiếc bán tải. Tôi nhận ra ông đang kẹp nách cái cặp da cũ mòn mà mẹ đã tặng bố hồi tôi còn nhỏ, nhân một dịp kỷ niệm ngày cưới của hai người.

Tôi đặt bình đá xuống mặt bàn gỗ gần lò nướng bằng gạch xây cách lối vào nhà chừng chục mét. Từ hai thập kỷ nay, thứ đồ ngoại thất ngoài vườn này cùng hai chiếc ghế kiểu Adirondack đi kèm vẫn không suy suyển trước bao đợt tấn công của thời tiết xấu, tôi chịu không thể biết tại sao. Vầng ánh dương cao vợi trên bầu trời, nhưng không khí vẫn buốt lạnh. Tôi kéo khóa áo khoác lên kín cổ rồi bắt đầu giở món bánh kẹp xa lát tôm hùm ra. Bố tôi rút từ túi ra một con dao Thụy Sĩ, mở nắp hai chai Budweiser rồi ngồi xuống một trong những chiếc ghế gỗ thông bá hương màu đỏ.

- Của con này! Ông nói rồi chìa cho tôi một chai.

Tôi đón lấy rồi tới ngồi cạnh ông. Trong khi nhấm nháp ngụm bia đầu tiên, tôi thấy mắt ông lấp lánh một tia âu lo. Im lặng tiếp nối im lặng. Ông chỉ nuốt vài miếng bánh kẹp rồi lại vội vã châm một điếu thuốc nữa. Sự căng thẳng hiển hiện như sờ thấy được, và tôi chợt hiểu ra rằng ông không đưa tôi đến đây để trải qua một buổi chiều êm ả giữa ông bố và con trai, và cũng chẳng có buổi câu nào hết, chẳng có cái vỗ vai nào hết, cũng chẳng có món cá tráp bọc giấy bạc kiểu Ý.

- Bố có chuyện quan trọng muốn nói với con, ông vừa lên tiếng vừa mở chiếc cặp để lấy từ đó ra nhiều tài liệu đựng trong mấy bìa hồ sơ bằng các tông.

Trên mỗi bìa hồ sơ, tôi nhận ra logo khiêm nhường của văn phòng luật Wexler & Delamico chuyên bảo vệ lợi ích của gia đình từ nhiều chục năm nay.

Ông tít một hơi thuốc dài rồi nói tiếp:

- Bố đã quyết định thu xếp công việc đâu vào đấy trước khi đi.

- Đi đâu ạ?

Điệu cười nhếch mép khiến môi dưới ông méo xệch. Tôi khiêu khích ông:

- Bố muốn nói là trước khi chết chứ gì?

- Thế đấy. Nhưng con đừng lấy làm mừng quá sớm: không phải nay mai đâu, dù cho đúng là thời hạn đang tới gần.

Ông nheo mắt, tìm cách thu hút ánh mắt tôi trước khi thông báo với tôi bằng giọng rành mạch:

- Bố rất tiếc, Arthur, nhưng con sẽ không nhận được một đồng nào từ vụ chuyển nhượng hãng. Cũng không nhận được đồng nào từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ hay các bất động sản của bố.

Tôi khó khăn lắm mới giấu được nỗi kinh ngạc, nhưng trong hàng loạt cảm xúc đang xâm chiếm tôi, sự ngạc nhiên vẫn lấn át cơn giận dữ.

- Nếu chỉ để nói với con chuyện đó mà bố dẫn con tới tận đây thì bố đã mất công quá rồi. Con cóc cần tiền của bố, bố nên biết điều đó…

Ông nghiêng đầu chỉ sang xấp bìa hồ sơ bằng các tông đặt trên bàn, như thể không hề nghe thấy từ nào trong lời tôi vừa nói.

- Bố đã tiến hành tất tật các thủ tục theo luật định để toàn bộ gia sản của bố thuộc quyền sở hữu của anh con và chị con…

Tôi siết chặt nắm tay. Cái trò tai ác này là gì vậy? Đã đành bố tôi truất quyền thừa kế của tôi, nhưng tại sao phải dàn cảnh đến mức này để thông báo với tôi tin đó?

Ông hít một hơi thuốc nữa.

- Món duy nhất con được thừa kế…

Ông dùng gót giày dụi tắt đầu mẩu thuốc, để phần đầu câu vừa thốt ra trôi nổi vài giây, cái kiểu hòng tạo ra cảm giác hồi hộp mà tôi thấy không hay ho chút nào.

- Món duy nhất con được thừa kế là 24 Winds Lighthouse, tay ông chỉ vào khối kiến trúc miệng khẳng định. Thửa đất này, ngôi nhà này, ngọn hải đăng này…

Gió nổi lên bốc theo một đám bụi. Vẫn kinh ngạc đến thẫn thờ, phải nhiều giây sau tôi mới có thể phản ứng được.

- Bố muốn con làm gì với chốn tồi tàn này?

Trong lúc mở miệng toan giải thích rõ ràng với tôi, ông bật ho sù sụ. Nhìn ông thở hổn hển, tôi lấy làm tiếc vì đã theo chân ông tới tận đây.

- Nhận món thừa kế này hay không là tùy ý con, Arthur, ông cảnh báo tôi ngay khi lấy lại được hơi thở bình thường. Nhưng nếu nhận món thừa kế này, con phải cam kết thực hiện hai điều kiện. Hai điều kiện không chấp nhận thương lượng.

Tôi đang vờ đứng dậy thì ông nói tiếp:

- Trước hết, con phải cam kết không bao giờ bán đi thứ tài sản này. Con nghe rõ chứ? KHÔNG BAO GIỜ. Ngọn hải đăng phải thuộc sở hữu của gia đình ta. Mãi mãi.

Tôi bực bội gắt:

- Thế còn điều kiện thứ hai?

Ông day day mí mắt hồi lâu rồi buột ra một tiếng thở dài.

- Đi theo bố, ông nói rồi rời khỏi ghế.

Tôi miễn cưỡng theo ông sát gót. Ông dẫn tôi đến chỗ xưa kia vốn là nơi ở của người gác ngọn hải đăng. Đó là một ngôi nhà nhỏ kiểu thôn dã trông có vẻ thảnh thơi và bốc mùi ẩm mốc. Các mặt tường được trang trí bằng lưới đánh cá, một bánh lái gỗ phủ sơn và nhiều bức tranh làng nhàng vẽ phong cảnh vùng của các họa sĩ địa phương. Trên bệ lò sưởi, người ta tìm thấy một chiếc đèn dầu cùng một cái chai bên trong đựng mô hình thuyền buồm thu nhỏ.

Bố tôi mở cánh cửa dẫn vào hành lang - một hành lang dài chừng chục mét ốp những tấm mè đánh véc ni nối căn nhà nhỏ với ngọn hải đăng -, nhưng thay vì men theo lối cầu thang bộ để lên tới đỉnh tháp, ông nhấc cánh cửa sập bằng gỗ dẫn xuống hầm.

- Đi nào! Ông ra lệnh rồi rút từ cặp ra chiếc đèn pin.

Tôi lom khom trèo theo ông xuống một loạt những bậc thang kêu cót két để tới căn hầm.

Khi ông gạt cầu dao điện, tôi nhìn thấy một căn phòng hình chữ nhật, trần thấp, tường gạch đỏ nhạt. Những thùng và hòm bằng gỗ chất đống trong một góc, mạng nhện giăng đầy, im lìm trong lớp bụi từ đời nảo đời nào. Một hệ thống ống dẫn rệu rã chạy thành hình vòng tròn quanh trần. Tôi nhớ rất rõ là khi còn bé tôi cùng anh trai đã từng tới thám hiểm nơi này một lần, bất chấp lệnh cấm tụi trẻ con chúng tôi lai vãng xuống tầng hầm. Thời đó, vì bị bố phạt một trận ra trò nên hai anh em tôi đã từ bỏ luôn ý định đặt chân vào đó thêm lần nữa.

- Bố này, thực ra thì chúng ta đang chơi trò gì vậy?

Thay cho câu trả lời, ông lấy từ túi áo sơ mi ra một viên phấn trắng rồi vạch một chữ thập lớn lên tường. Ông chỉ tay vào ký hiệu đó.

- Ở tầm này, đằng sau lớp tường gạch, có một cánh cửa kim loại.

- Một cánh cửa ư?

- Một lối đi mà cách đây hơn ba chục năm bố đã xây bít lối vào.

Tôi nhướn mày.

- Một lối đi dẫn tới đâu ạ?

Bố tôi lẩn tránh câu hỏi rồi bật ho một tràng nữa.

- Đó là điều kiện thứ hai, Arthur ạ, ông nói khi đã ngừng ho. Con không bao giờ được tìm cách mở cánh cửa đó.

Trong khoảnh khắc, tôi thực sự ngỡ ông đã lẫn cẫn. Tôi còn nhiều câu hỏi khác muốn đặt ra cho ông, nhưng ông đã vội vã tắt điện rồi rời khỏi căn hầm.

Gia tài thừa kế

Quá khứ thật khó lường,

Jean GROSJEAN

1.

Làn gió dâng lên từ đại dương vừa khiến ta khỏe khoắn lại vừa làm đầu óc mụ mẫm.

Chúng tôi lại ở trong vườn, ngồi đối diện nhau qua chiếc bàn gỗ.

Bố chia cho tôi cây bút cũ bằng thép nhẵn mịn.

- Giờ thì con đã biết hai điều kiện phải tuân thủ rồi đó, Arthur. Mọi chi tiết đều được ghi lại đầy đủ trong tài liệu này. Con muốn chấp nhận hay từ chối cũng được. Bố cho con năm phút để quyết định và ký giấy tờ.

Ông tự mở cho mình một chai bia nữa và có vẻ như đã lại sức.

Tôi nhìn ông chằm chằm hồi lâu. Chưa bao giờ tôi có thể nắm bắt được ông, hiểu ông, biết ông thực sự nghĩ sao về tôi. Thế mà trong suốt nhiều năm trời, tôi từng cố gắng yêu thương ông, bất chấp mọi thứ.

Frank Costello không phải là bố đẻ của tôi. Ngay cả khi chưa từng nói với nhau về chuyện đó thì cả hai chúng tôi đều biết như thế. Ông thì dĩ nhiên là biết trước khi tôi chào đời; còn tôi thì biết từ lúc bước vào tuổi thiếu niên.

Ngay hôm sau ngày sinh nhật lần thứ mười bốn của tôi, mẹ đã thú thật với tôi là hồi mùa đông 1965, bà đã dan díu suốt nhiều tháng với người thời đó vốn là bác sĩ riêng của gia đình. Người đàn ông này - một gã Adrien Langlois nào đó - đã lên đường sang Québec ít lâu sau khi tôi ra đời. Tôi đã kiên cường chịu đựng tin này. Giống như nhiều bí mật gia đình khác, bí mật này đã kịp âm thầm lan truyền. Tiết lộ này cũng giúp tôi gần như nhẹ nhõm: nó đã làm sáng tỏ một vài thái độ hành vi đáng ngờ bố dành cho tôi.

Điều này thoạt nghe có vẻ kỳ lạ nhưng tôi chưa bao giờ tìm gặp bố đẻ của mình. Tôi cất riêng thông tin này vào một góc tâm trí, rồi để mặc nó dần dần trôi dạt cho đến khi hầu như quên khuấy đi. Mối liên hệ về huyết thống không làm nên một gia đình và trong thâm tâm, tôi là thành viên nhà Costello chứ không phải một thành viên nhà Langlois.

- Được rồi, con quyết định rồi chứ Arthur? Ông kêu to. Con muốn nhận căn nhà gỗ này hay là không nào?

Tôi gật đầu. Tôi thì chỉ muốn có một điều: chấm dứt màn kịch giả trá này càng nhanh càng tốt và quay về Boston. Tôi mở nắp bút, nhưng đúng vào lúc ký xuống cuối tài liệu, tôi cố gắng nối lại cuộc trò chuyện lần cuối cùng.

- Thật ra bố phải nói với con nhiều hơn về chuyện này, bố ạ.

- Bố đã nói tất cả những gì con cần biết! Ông cáu kỉnh.

Tôi đối đầu ông.

- Không! Nếu chưa mất trí, bố thừa biết là trong toàn bộ chuyện này chẳng có điều gì hợp lý hết!

- Bố đang tìm cách bảo vệ con thôi!

Lời lẽ đã buột miệng nói ra. Gợi tò mò, gây bất ngờ, nhuốm màu chân thành.

Trong khi tròn mắt ngạc nhiên, tôi nhìn thấy hai bàn tay ông run lên.

- Bảo vệ con khỏi cái gì?

Ông châm thêm một điếu thuốc nữa để trấn tĩnh rồi dường như có điều gì đó được tháo gỡ trong ông.

- Đồng ý… bố cần thú thật với con chuyện này, ông bắt đầu bằng giọng tâm tình. Một chuyện mà bố chưa từng nói cho bất kỳ ai biết.

Bầu không khí im lặng bao trùm, kéo dài gần một phút. Đến lượt tôi rút một điếu từ trong bao thuốc của ông để ông có thời gian góp nhặt ký ức.

- Tháng Mười hai năm 1958, bốn năm rưỡi sau ngày ông nội con mất tích, bố đã nhận được một cuộc điện thoại từ ông nội con.

- Bố đùa hay sao?

Ông rít hơi thuốc cuối thật dài rồi bồn chồn búng đầu mẩu thuốc ra xa trên lớp sỏi cuội.

- Ông con nói mình đang ở New York và ông muốn gặp bố càng sớm càng tốt. Ông yêu cầu bố không được nói cho ai biết chuyện ông gọi điện và hẹn bố ngày hôm sau tới gặp ông tại một quán bar trong sân bay JFK.

Bồn chồn, ông đan các ngón tay xương xẩu vào nhau. Trong khi ông tiếp tục kể, tôi trông thấy móng tay ông đang bấu vào da.

- Bố đã bắt tàu tới sân bay. Bố sẽ không bao giờ quên được cuộc gặp đó. Hôm đó là thứ Bảy trước Giáng sinh. Trời có tuyết rơi. Nhiều chuyến bay bị hoãn hoặc hủy. Ông nội con ngồi chờ bố bên một chiếc bàn đằng sau chai Martini. Trông ông có vẻ rất mệt và vẻ mặt tái nhợt như xác chết. Bố và ông nội con ôm choàng lấy nhau và lần đầu tiên trong đời bố thấy ông con bật khóc.

- Sau đó xảy ra chuyện gì ạ?

- Thoạt tiên, ông nội con bảo ông phải bay chuyến bay tới nên ông không có nhiều thời gian. Rồi ông giải thích với bố là ông đã bỏ chúng ta lại bởi ông không thể làm khác được. Ông thổ lộ là bản thân đang gặp phải những rắc rối lớn nhưng không nói rõ là rắc rối thế nào. Bố hỏi ông xem bố có thể làm gì để giúp ông, nhưng ông đáp ông đã một mình lún chân xuống bùn thì phải tự mình tìm cách thoát ra.

Tôi bàng hoàng.

- Thế còn sau đó?

- Ông bắt bố thề bồi nhiều chuyện. Thề không được tiết lộ với bất kỳ ai là ông vẫn còn sống, không bao giờ được bán 24 Winds Lighthouse, không bao giờ mở cánh cửa kim loại trong căn hầm của ngọn hải đăng và phải lập tức cho xây bít nó lại. Dĩ nhiên, ông cũng né tránh tất cả những câu hỏi bố đặt ra. Bố muốn biết bao giờ được gặp lại ông. Ông đặt tay lên vai bố mà rằng: “Có thể là ngày mai, có thể là không bao giờ.” Ông cấm bố khóc rồi ra lệnh cho bố phải mạnh mẽ và cư xử như một người chủ gia đình, vào lúc này khi ông không còn ở đó nữa. Rồi khoảng năm phút sau, ông đứng dậy, tu ngụm Martini cuối cùng, rồi ông bảo bố về đi và nhớ làm theo chỉ dẫn của ông. “Đây là vấn đề sống còn, Frank ạ”: đó là những lời sau cùng ông nói.

Sửng sốt trước lời thú nhận muộn màng của ông, tôi gặng hỏi:

- Thế còn bố, bố đã làm gì?

- Bố nghe theo chỉ dẫn của ông không sai một li. Bố quay về Boston rồi ngay tối hôm đó, bố tới ngọn hải đăng và xây bức tường gạch trong căn hầm.

- Và bố chưa từng mở cánh cửa đó ra?

- Chưa từng.

Tôi để một khoảng im lặng trôi qua.

- Con không tin bố chưa từng tìm cách để biết được nhiều hơn nữa.

Ông dang tay vẻ bất lực.

- Bố đã hứa rồi, Arthur… Vả lại nếu con muốn biết ý kiến của bố thì đằng sau cánh cửa đó chỉ toàn rắc rối thôi.

- Bố đang nghĩ tới chuyện gì vậy?

- Bố sẵn sàng làm tất cả để biết được chuyện đó, nhưng bố sẽ giữ lời hứa của mình tới lúc chết.

Tôi cân nhắc thêm một lát rồi nói:

- Khoan đã, có chi tiết này con chưa hiểu. Hồi mùa thu năm 1954, khi ông Sullivan đột nhiên mất tích, người ta đã lục tung ngọn hải đăng đúng không ạ?

- Đúng vậy. Không sót ngóc ngách nào. Thoạt tiên là bà nội con, rồi đến bố, rồi đến cảnh sát trưởng quận cùng phụ tá của ông ta.

- Vậy là hồi đó mọi người đã mở cánh cửa kia?

- Đúng vậy. Bố còn nhớ rất rõ đó là một căn phòng trống, rộng chừng mười mét vuông với sàn đất nện.

- Không có cửa sập hay lối đi bí mật nào sao?

- Không, chẳng có gì cả. Nếu có thì bố đã thấy.

Tôi gãi đầu. Toàn bộ chuyện này chẳng có nghĩa lý gì hết.

- Chúng ta hãy thực tế đi nào, tôi nói. Tệ nhất thì chúng ta có thể tìm thấy gì trong đó? Một cái xác chăng? Hay nhiều cái xác?

- Dĩ nhiên bố đã nghĩ đến chuyện đó…

- Nếu bố đã xây bít cánh cửa đó vào năm 1958 thì thời hiệu điều tra cũng đã hết, ngay cả khi đó là một vụ án mạng đi chăng nữa.

Frank để vài giây trôi qua rồi thú thật bằng giọng đều đều không âm sắc:

- Bố nghĩ thứ nằm đằng sau cánh cửa đó còn khủng khiếp hơn nhiều so với một xác chết.

2.

Bầu trời đã đen kịt lại. Sấm dội ầm ì. Vài giọt mưa bắn tung tóe trên đống tài liệu pháp lý. Tôi cầm cây bút, ký tắt tất cả các trang rồi ký đầy đủ vào trang cuối cùng.

- Bố nghĩ buổi đi câu thế là hỏng bét rồi, bố tôi thốt lên trong lúc che mưa. Bố chở con về nhà con nhé?

- Con đang ở nhà rồi đấy thôi, tôi đáp rồi đưa cho ông bản sao hợp đồng đã ký.

Ông gượng cười rồi cất xấp tài liệu vào cặp. Tôi lặng thinh tiễn ông ra chiếc bán tải. Ông ngồi vào sau tay lái, tra chìa khóa điện vào ổ, nhưng trước khi ông khởi động xe, tôi gõ vào cửa kính.

- Tại sao bố lại yêu cầu chính con chuyện này? Con đâu phải con trai trưởng trong gia đình. Con cũng không phải đứa con hợp với bố nhất. Vậy thì tại sao lại là con?

Ông nhún vai vì không thể trả lời.

- Bố muốn bảo vệ những người khác, những đứa con thực sự của bố chứ gì?

- Đừng có ngớ ngẩn thế! Ông nổi cáu.

Ông thở dài thườn thượt.

- Trước hết, bố ghét mẹ con vì đã lừa dối bố, ông nhượng bộ. Rồi bố đâm ghét lây cả con, đúng thế, bởi vì sự tồn tại của con ngày nào cũng nhắc bố nhớ đến vụ phản bội đó. Nhưng năm tháng trôi đi, bố rốt cuộc đã căm ghét chính bản thân mình…

Ông hất cằm chỉ cái bóng ngọn hải đăng đang nổi bật dưới mưa rồi cất cao giọng để át tiếng dông bão.

- Sự thật là bí ẩn này đã ám ảnh bố từ hơn ba chục năm nay, và bố tin rằng con là người duy nhất có khả năng làm rõ ngọn ngành.

- Bố muốn con phải làm thế nào để giải quyết nếu không mở cánh cửa đó ra?

- Lúc này thì chuyện đó là vấn đề của con! Ông nói rồi khởi động xe.

Ông nhấn chân ga rồi bất thần cho xe vọt đi khiến sỏi cuội kêu lạo xạo dưới bánh xe, chỉ sau vài giây chiếc bán tải đã biến mất như thể bị cơn dông nuốt chửng.

3.

Tôi chạy về phía ngôi nhà để trú mưa.

Tôi tìm cả trong phòng khách lẫn phòng bếp mà không thấy chút whisky hay vodka nào, trong ngọn hải đăng đáng nguyền rủa này không có lấy một giọt rượu. Tôi tìm thấy một bình pha cà phê Moka kiểu Ý cũ mèm và chút ít cà phê xay trong một ngăn tủ tường. Tôi hứng nước để đun sôi, trút chỗ bột cà phê vào một cái phin rồi pha cho mình một tách lớn thứ đồ uống mà tôi hy vọng sẽ tiếp thêm cho mình sinh lực. Vài phút sau, một mùi thơm dễ chịu tràn ngập căn phòng. Tách cà phê đậm đặc đắng ngắt không bọt nhưng lại giúp tôi hoàn hồn. Tôi vẫn đứng trong bếp, đằng sau quầy bằng gỗ bạch diên. Suốt hơn một giờ đồng hồ sau đó, trong khi mưa đã nặng hạt hơn, tôi chăm chú xem toàn bộ những tài liệu pháp lý mà bố tôi để lại. Những bản photo chứng từ mua bán khác nhau cho phép lập lại lịch sử của khối kiến trúc này.

Ngọn hải đăng được xây dựng năm 1852. Ban đầu nó là ngôi nhà nhỏ bằng đá bên trên bố trí nóc vòm nhỏ trong có đặt một lồng đèn gồm khoảng chục chiếc đèn dầu và chẳng bao lâu sau được thay thế bằng một thấu kính Fresnel. Cuối thế kỷ 19, công trình bị một vụ sụt lở và một vụ hỏa hoạn tàn phá. Khối kiến trúc hiện tại - tòa tháp gỗ cùng ngôi nhà sát cạnh - được xây dựng năm 1899, rồi mười năm sau, ngọn hải đăng được trang bị ngọn đèn chạy dầu hiện đại hơn. Năm 1925, ngọn hải đăng được điện khí hóa.

Năm 1947, chính phủ Mỹ nhận định rằng ngọn hải đăng không còn giữ vị trí chiến lược nữa nên đã bán tống bán tháo nó trong một phiên bán đấu giá cùng nhiều công trình quân sự cũ khác.

Theo những tài liệu đang bày trước mắt tôi, người chủ đầu tiên của ngọn hải đăng tên là Marko Horowitz, sinh năm 1906 tại Brooklyn, mất năm 1949. Bà vợ góa của ông tên Martha, sinh năm 1920, chính là người đã bán ngọn hải đăng cho ông nội tôi, Sullivan Costello, vào năm 1954.

Tôi nhẩm tính: lúc này bà Martha ấy đã bảy mươi mốt tuổi. Rất có khả năng bà ấy vẫn còn sống. Tôi cầm cây bút đang lăn lóc trên quầy lên rồi gạch chân địa chỉ thời đó bà cung cấp: 26 Preston Drive tại Tallahassee, bang Florida. Tôi nhấc điện thoại gắn trên tường lên và gọi tổng đài. Không còn ai tên Martha Horowitz ở Tallahassee, nhưng nữ tổng đài viên tìm thấy một phụ nữ tên Abigael Horowitz sống trong cùng thành phố. Tôi xin được kết nối với số điện thoại của người này.

Abigael nhấc máy. Tôi tự giới thiệu rồi trình bày mục đích cuộc gọi của mình. Abigael nói mình là con gái của Marko và Martha Horowitz. Mẹ chị vẫn còn sống, nhưng kể từ năm 1954, bà đã kịp tái hôn hai lần. Lúc này bà đang mang họ người chồng hiện thời và sống tại California. Khi tôi hỏi Abigael liệu chị còn nhớ 24 Winds Lighthouse không, câu trả lời của chị vọt ra tức thì:

- Dĩ nhiên, tôi đã mười hai tuổi khi bố tôi mất tích!

Mất tích ư… Tôi nhướn mày đọc lại tài liệu.

- Theo chứng từ mua bán mà tôi đang đọc, bố chị đã qua đời năm 1949 phải không?

- Bố tôi được tuyên bố là đã chết vào năm đó, nhưng ông mất tích trước đấy hai năm.

- Mất tích thế nào vậy?

- Hồi đó là cuối năm 1947, ba tháng sau khi mua ngọn hải đăng và ngôi nhà nhỏ kế bên. Bố mẹ tôi rất mê vùng đó và có ý định biến ngọn hải đăng thành nơi nghỉ dưỡng. Thời ấy, chúng tôi vẫn sống tại Albany. Một sáng thứ Bảy, bố tôi nhận được cuộc điện thoại từ cảnh sát trưởng quận Barnstable báo ông biết là đêm trước một cây lớn trong khu đất đó bị sét quật đổ xuống đường dây điện. Theo cảnh sát trưởng thì cơn dông cũng làm hư hỏng phần mái nhà bằng đá bảng. Bố tôi liền lái xe tới 24 Winds Lighthouse để xem xét mức độ thiệt hại. Ông không bao giờ từ đó trở về nữa.

- Ý chị là sao?

- Hai ngày sau, người ta tìm thấy chiếc Oldsmobile của ông đỗ trước nhà, nhưng không thấy bất cứ dấu vết nào của bố tôi. Cảnh sát lùng sục khắp ngọn hải đăng và vùng lân cận nhưng tuyệt nhiên không tìm ra manh mối nào có thể giải thích việc ông mất tích. Mẹ tôi vẫn giữ hy vọng và chờ đợi. Hàng ngày, hàng tuần trời, hàng tháng ròng… Cho tới đầu năm 1949 khi một thẩm phán tuyên bố bố tôi chính thức qua đời để có thể tiến hành việc chia tài sản thừa kế.

Tôi đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Chưa bao giờ tôi nghe nhắc đến chuyện này!

- Mẹ chị đã đợi năm năm trước khi nhượng lại ngọn hải đăng sao?

- Mẹ tôi không muốn nghe nhắc đến ngôi nhà đó nữa. Bà không mảy may quan tâm đến nó cho tới thời điểm đột nhiên cần tiền. Thế là bà giao trách nhiệm cho một hãng bất động sản tại New York, yêu cầu bên đó tuyệt đối không được chào bán cho những người trong vùng, tất cả bọn họ đều đã nghe phong thanh về vụ mất tích của bố tôi và phần đông đều kết luận rằng ngọn hải đăng mang lại bất hạnh…

- Và kể từ đó, chị không bao giờ nhận được tin tức gì từ bố mình nữa?

- Không bao giờ nữa, người phụ nữ khẳng định.

Trước khi nói chữa lại:

- Chỉ trừ một lần.

Tôi giữ im lặng để chị rộng đường nói tiếp.

- Hồi tháng Chín năm 1954 đã xảy ra một vụ tai nạn thảm khốc tại New York giữa tàu từ ga Richmond Hill và ga Jamaica. Đó là một cuộc thảm sát thực sự: đúng giờ cao điểm, một đoàn tàu đông nghịt hành khách đang lao hết tốc lực đã đâm thẳng vào một đoàn tàu khác vừa vào ga. Vụ tai nạn đó khiến chín mươi người thiệt mạng và gần bốn trăm người bị thương. Đó là một trong những thảm họa đường sắt kinh khủng nhất mọi thời đại…

- Tôi từng nghe nói đến vụ đó, nhưng có liên quan gì tới bố chị?

- Một đồng nghiệp của bố tôi có mặt trên một trong hai đoàn tàu đó. Ông ấy bị thương nhưng vẫn sống sót. Sau thảm kịch, ông ấy tới thăm mẹ tôi nhiều lần và khẳng định rằng bố tôi xuất hiện trong cùng toa tàu với ông và bố tôi đã tử nạn.

Trong khi người phụ nữ kể, tôi ghi chép lại thật nhanh. Nếu so với chuyện đã xảy ra với ông nội tôi thì có thể thấy những chi tiết giống nhau đến rùng mình.

- Dĩ nhiên, người ta chưa bao giờ tìm ra xác của bố tôi trên đoàn tàu đó, nhưng hồi đó tôi mới ở tuổi thiếu niên và những lời người đàn ông kia nói khiến tôi bối rối hết sức. Ông ấy tin chắc như đinh đóng cột vào câu chuyện mình kể.

Đợi Abigael kể xong chuyện, tôi cảm ơn vì những thông tin chị đã cung cấp.

Gác máy rồi, tôi nghĩ đến bố chị và ông nội tôi: hai người đàn ông đã bị ngọn hải đăng nuốt chửng, bị tấn công cách nhau vài năm bởi lời nguyền bao trùm chốn này.

Cái chốn mà kể từ giờ trở đi tôi là chủ nhân duy nhất.

Hai mươi tư ngọn gió

Vầng dương nơi đó sẽ biến mất trong vực thẳm.

Victor HUGO

1.

Máu chảy trong huyết quản tôi lạnh băng.

Tôi dùng tay áo pull chùi màn hơi nước đọng đã kịp hình thành trên các ô cửa kính. Mới chưa đến bốn giờ chiều mà trời đã gần như tối mịt. Trên bầu trời tối tăm mờ mịt, cơn mưa liên tục quất vào cửa kính. Gió gào thét. Luồng hơi của nó quét sạch mọi thứ: các cây lớn oằn xương sống, dây cáp điện nhảy điệu van cuồng loạn, khung cửa sổ run rẩy. Khung kim loại của chiếc bập bênh nghiến kèn kẹt, than vãn trong tiếng rên chói tai giống tiếng trẻ khóc.

Tôi cần sưởi ấm. Có củi vụn và củi khúc gần lò sưởi. Tôi nhóm lửa và tiếp tục pha cà phê. Liên tục có những phát hiện mới khiến tôi không biết phải nghĩ sao. Có vẻ như ông nội tôi đã không chết đuối trên bờ biển Maine. Ông đã bỏ lại vợ con để chuồn đi. Nhưng vì lý do gì? Dĩ nhiên, không ai tránh được một cơn điên rồ hay một mối tình sét đánh suốt cả đời, nhưng cách xử sự này chẳng hề giống với những gì tôi được nghe nói về tính cách con người Sullivan Costello.

Vốn là con trai một người Ai Len lưu vong, đó là một người lao động miệt mài đã biến giấc mơ Mỹ của mình thành hiện thực vô cùng cực nhọc. Tại sao ông lại biến mất vào một ngày thu, đột ngột đoạn tuyệt với tất cả những thứ đã tạo nên cuộc sống của mình như vậy? Trong sâu thẳm tâm hồn ông đang che giấu những bí mật khủng khiếp và không thể thú nhận nào vậy? Ông đã làm gì trong khoảng thời gian từ mùa thu 1954 đến cuối năm 1958? Và nhất là, liệu có cơ may nào để hôm nay ông còn sống trên đời này không?

Tôi bỗng nhận ra như một lẽ hiển nhiên rằng những câu hỏi này không thể cứ đặt ra như vậy mà không có câu trả lời.

2.

Tôi bất chấp cơn mưa để tới lán dụng cụ kế bên căn nhà gỗ. Khi đẩy cửa bước vào, tôi phát hiện ra giữa những dụng cụ đã cũ mòn và hoen gỉ có một chiếc búa tạ mới tinh vẫn còn nguyên nhãn dính của chuỗi cửa hàng Home Depot. Đó là một kiểu búa Đức với cán bằng gỗ mộc và phần kim loại đúc bằng hợp kim đặc biệt từ đồng và berili. Hẳn là bố tôi vừa mua chiếc búa. Thậm chí là vừa mua xong… Dành riêng cho tôi, không còn nghi ngờ gì nữa.

Tôi cảm thấy họng bẫy đang dần khép lại.

Không hề suy nghĩ, tôi cầm lấy chiếc búa, một con dao cũ và một thanh đục có ở đó. Tôi ra khỏi lán và chạy ùa vào căn nhà gỗ, rồi vào hành lang. Cánh cửa trập dẫn tới hầm vẫn để mở. Tôi đem theo mớ dụng cụ kia xuống cầu thang rồi gạt cầu dao điện để soi sáng căn phòng.

Tôi vẫn có thể quay lại. Tôi có thể gọi một chiếc taxi chở tôi ra ga, rồi lên tàu về Boston. Tôi có thể ủy thác một hãng bất động sản cho thuê 24 Winds Lighthouse. Mùa hè, những chỗ như thế này ở New England có thể cho thuê với giá vài nghìn đô mỗi tháng. Như vậy tôi sẽ có thêm thu nhập đều đặn và thanh thản tiếp tục cuộc sống của mình.

Nhưng cuộc sống nào kia chứ?

Ngoài nghề bác sĩ ra, cuộc sống của tôi hoàn toàn vô nghĩa. Chẳng có mối liên hệ gắn bó nào. Chẳng có ai để yêu thương.

Tôi nheo mắt. Một hình ảnh bỗng hiện về từ quá khứ choán khắp tâm trí tôi. Ngày ấy tôi năm tuổi. Mái tóc vàng ngẩng về phía bố tôi, người vừa để tôi ngã chúi xuống sàn phòng ngủ. Tôi sững sờ như hóa đá.

- Trên đời này, con không nên tin tưởng một ai, con hiểu chứ, Arthur? Không một ai! Kể cả bố của con!

Món thừa kế này là một món quà tẩm độc, một cuộc mai phục mà Frank đã giăng ra cho tôi. Bố tôi không đủ dũng khí để tự mình mở cánh cửa này. Không đủ dũng khí để phá bỏ một lời hứa xưa cũ. Nhưng trước khi chết, ông muốn ai đó làm thay mình.

Và ai đó, chính là tôi.

3.

Tôi thấm những giọt mồ hôi rịn ra trên trán. Luồng hơi hóng ngột ngạt đang bao trùm phần này của ngôi nhà. Bầu không khí loãng gây tức thở như trong phòng máy của tàu thủy.

Tôi xắn tay áo rồi dùng hai tay nhấc chiếc búa tạ lên, vung qua đầu để lấy đà hết cỡ. Rồi tôi quai búa vào giữa dấu thập.

Nheo mắt để tránh những mảnh gạch vụn và bụi bắn ra, tôi quai nhát búa thứ hai rồi thứ ba.

Đến nhát thứ tư, tôi vung búa hăng hái hơn. Kết quả thật tệ: nhát búa đập vỡ hai đường ống nước chạy trên trần. Hàng đợt nước lạnh băng trút xuống tôi trước khi tôi kịp có phản xạ mở hộp công tơ nước và chặn được dòng nước lớn.

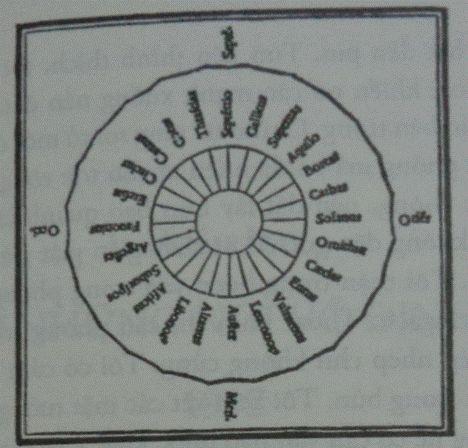
Khốn kiếp!

Từ đầu tới chân tôi ướt sũng. Thứ nước đó lạnh buốt, hơi vàng và bốc mùi mốc meo. Tôi lập tức cởi áo sơ mi và quần dài ra. Lương tri hẳn là muốn tôi trở lên trên thay quần áo, nhưng hơi nóng của căn phòng cùng khao khát muốn biết điều ẩn giấu đằng sau cánh cửa kia đủ mạnh để tôi tiếp tục công việc.

Thân trên để trần, mặc độc chiếc quần đùi chấm bi hồng, tôi càng hăng hái hơn, điên cuồng giội búa vào bức tường gạch. Một câu nói của bố tôi văng vẳng trong tâm trí: Bố nghĩ thứ nằm đằng sau cánh cửa đó còn khủng khiếp hơn nhiều so với một xác chết.

Sau chừng chục nhát búa, tôi nhận thấy bề mặt kim loại đằng sau bức tường. Mười lăm phút sau, tôi đã khiến toàn bộ cánh cửa lộ ra: một cánh cửa thấp và hẹp bằng sắt rèn đã gỉ hoen. Tôi đưa cẳng tay lên gạt mồ hôi đang chảy ròng ròng trên ngực trần rồi tiến lại gần hành lang. Trên một tấm bảng đồng bắt vít trên cửa, tôi nhìn thấy một hoa gió khắc trên mặt kim loại.

Tôi đã từng nhìn thấy biểu đồ này: một hình y hệt được khắc trên bức tường đá thấp bao quanh ngọn hải đăng. Nó tổng hợp danh sách toàn bộ những ngọn gió được biết đến vào thời Cổ đại.



Bên dưới là câu văn khắc bằng tiếng Latin cảnh báo:

Postquam viginti quattuor venti flaverint,

nihil jam erit.(\*)

(\*) Sau hơi thổi của hai mươi tư ngọn gió, sẽ chẳng còn lại gì. (Những chú thích không có lưu ý gì thêm đều là của người dịch).

Lẽ dĩ nhiên - chỉ có điều tôi không biết vì lý do nào -, ngọn hải đăng được đặt tên theo chính hình hoa hồng này. Tâm trạng hết sức kích động, tôi thử mở cánh cửa, nhưng tay nắm cửa bị kẹt như thể bị đóng băng trong hoen gỉ. Tôi gắng sức nhưng nó cứ trơ ra. Tôi nhớ tới những dụng cụ mình đã mang theo và vớ lấy thanh đục. Tôi luồn đầu vát mép vào khe để dùng nó như xà beng. Tôi vận hết sức ấn lên cán đục cho đến khi nghe thấy một tiếng rắc khô khốc. Ổ khóa vừa gãy.

4.

Tôi bật đèn pin. Tim nện thình thịch, tôi đẩy cánh cửa kim loại khiến nó cào mạnh xuống nền đất. Tôi chĩa đèn pin vào bên trong. Chùm tia sáng soi tỏ một căn phòng giống căn phòng mà bố đã miêu tả cho tôi: rộng chưa đầy mười mét vuông, nền đất lầy bùn bao quanh là bốn bức tường đá không đẽo gọt. Máu chảy giần giật trên hai thái dương tôi. Tôi thận trọng bước vào trong phòng, soi đèn từng ngóc ngách. Thoạt nhìn thì căn phòng trống rỗng. Nền đất lép nhép chứ không cứng. Tôi có cảm giác đang lội bì bõm trong bùn. Tôi xem xét các mặt tường kỹ lưỡng hơn: Không hề có câu văn nào được khắc trên đó.

Ngần ấy công sức chỉ đổi lại có thế này thôi sao?

Frank đã kể cho tôi nghe những chuyện tầm phào sao? Cuộc gặp với ông nội tôi ở sân bay Kennedy đã thực sự diễn ra hay là bố tôi nằm mơ? Tại sao ông lại dựng lên quanh ngọn hải đăng này một huyền thoại chỉ tồn tại trong những cơn mê sảng của ông?

Đầu tôi đang chất chồng những câu hỏi đó thì trong phòng bỗng có một luồng khí rất mạnh và lạnh căm quét qua, làm sao có thể thế được nhỉ. Tôi ngạc nhiên đến mức buông rơi đèn pin. Đang cúi xuống để nhặt đèn pin tôi bỗng nhìn thấy cánh cửa khép lại trước mắt.

Chìm trong bóng tối, tôi đứng dậy rồi vươn tay mở cửa nhưng cơ thể tôi bỗng đông cứng lại, như bị biến thành một pho tượng băng. Máu kêu ù ù bên hai tai.

Tôi buột thét lên một tiếng. Rồi một tiếng hút xé toang màng nhĩ khiến tôi choáng váng trong khi cảm thấy nền đất hẫng xuống dưới chân mình.

Phần hai

Ở NHỮNG NƠI VÔ ĐỊNH

1992

Những ánh sáng thành phố

Đường đến địa ngục lát êm ru tới mức

không đòi hỏi bảo trì bảo dưỡng gì ráo.

Ruth RENDELL

0.

Những luồng hơi nhựa trám hương cùng gỗ đánh véc ni nồng gắt.

Một mùi long não từ trầm hương và sáp nến.

Một cây búa khoan nện liên hồi bên trong hộp sọ tôi.

Tôi cố mở mắt nhưng hai mí như bị khâu chặt lại. Tôi đang nằm dài trên mặt sàn cứng và lạnh. Một bên má tôi đang áp vào đá. Tôi cảm thấy mình hâm hấp sốt, run lập cập. Tôi nấc cụt. Một cơn đau chẹn ngang ngực, ngăn không cho tôi hít thở bình thường. Họng tôi khô khốc, và miệng có vị xi măng. Tôi nằm lả ở đó suốt nhiều giây, không thể động cựa.

1.

Dần dần, bầu không khí im lặng xung quanh tôi nhường chỗ cho tiếng ù ù của đám đông cuồng nhiệt. Một cơn giận dữ đang gầm thét.

Nhưng vì lẽ gì kia chứ?

Nhờ một nỗ lực phi thường, tôi đứng thẳng dậy và mở hé mắt. Hai mắt tôi bỏng rát và tầm nhìn mờ mịt. Tôi cố gắng nhìn cho rõ cảnh trí xung quanh.

Một luồng ánh sáng dìu dịu, một cây thánh giá, mấy giá cắm nến trắng, một tán lọng bằng đồng thanh, một ban thờ bằng cẩm thạch. Tôi lảo đảo tiến vài bước. Rõ ràng tôi đang ở giữa chính điện của một nhà thờ. Thậm chí là một thánh đường: một gian giữa rộng chừng trăm mét đang trải ra trước mắt tôi, hai bên là hai dãy dài những băng ghế gỗ chạm trổ. Tôi ngước nhìn lên: hàng chục ô cửa kính ghép màu sặc sỡ đang lọc một thứ ánh sáng lung linh. Những mái vòm theo lối kiến trúc gothic với chỗ cao nhất tới hơn ba chục mét khiến tôi xây xẩm mặt mày.

Đối diện với chính điện, một giàn đàn ống đồ sộ đang bày bộ ống gió cùng nhiều đọt ống trước con mắt khổng lồ của một hình hoa hồng bằng kính ghép màu lấp lánh những sắc thái xanh lơ bất tận.

- Mau gọi cảnh sát!

Tiếng thét vang lên từ đám đông. Hàng chục cặp mắt hốt hoảng đổ dồn vào tôi: các du khách, các tín đồ đang quỳ gối nguyện cầu, các linh mục đang kiên nhẫn chờ gần phòng xưng tội. Tôi chợt hiểu ra nguyên nhân dẫn tới tiếng phản đối ầm ầm ban nãy khi nhận ra mình đang gần như ở trần, trang phục trên người chỉ vỏn vẹn chiếc quần đùi chấm bi hồng và đôi giày hiệu Stan Smith lấm bùn.

Mình làm cái quái gì ở đây thế này, bố khỉ?

Cổ tay tôi vẫn đeo chiếc đồng hồ của ông nội. Tôi liếc nhanh mặt đồng hồ - 17g12 -, khi mọi thứ bắt đầu xoay quanh tôi. Tôi vẫn nhớ cuộc trò chuyện cùng bố, cuộc tìm kiếm trên ngọn hải đăng, căn phòng bị xây bít cửa dưới hầm nóng hầm hập và cánh cửa kim loại đột nhiên đóng lại trước mắt tôi.

Nhưng sau đó đã xảy ra chuyện gì nhỉ?

Chân tôi bủn rủn. Để khỏi ngã lăn ra, tôi tì vào cái bục bên trên có để một cuốn Kinh Thánh đang đóng nặng trịch. Tôi lau những giọt mồ hôi buốt giá đang chảy dọc sống lưng. Tôi cần phải ra khỏi đây. Và sớm bao nhiêu hay bấy nhiêu.

Quá muộn rồi!

- Cảnh sát đây! Không được nhúc nhích! Để hai tay ra sau đầu!

Hai viên cảnh sát mặc sắc phục vừa bước vào nhà thờ và chạy ngược lên gian giữa của chính điện.

Không thể có chuyện tôi để mình bị bắt trước khi hiểu bản thân đang gặp phải chuyện gì. Tôi gom hết sức lực rồi lao tới chạy xuôi xuống những bậc thềm bằng cẩm thạch dẫn ra khỏi chính điện. Những bước chạy đầu tiên khiến tôi đau nhói. Tôi cảm thấy xương mình mỏng mảnh như pha lê, và cứ sau mỗi bước tôi lại có cảm tưởng chân mình sắp gãy răng rắc. Răng nghiến chặt, tôi men theo những ban thờ bố trí dọc hai bên, xô đẩy chen lấn đám đông, và trên đường đi đã kịp hất đổ một kệ hoa trang trí, một giá nến bằng sắt rèn, hàng chồng sách kinh lễ xếp trên giá.

- Này, anh kia! Dừng lại!

Không ngoái lại, tôi lao nhanh trên mặt sàn trơn tuột. Còn mười mét nữa và tôi đẩy cánh cửa đầu tiên xuất hiện trước mặt. Xong rồi, tôi đã ở bên ngoài!

Tôi lao xuống một loạt các bậc thềm bằng đá, ngã vật ra sàn trước nhà thờ và…

2.

… một bản hòa âm còi xe và còi hụ xé toang màng nhĩ tôi. Những cột khói trắng bốc lên từ mặt đường lát đá dăm trơn nhầy trước khi rải khắp bầu trời nhơ nhớp nơi một chiếc máy bay trực thăng đang kêu vù vù. Không khí giần giật, ẩm ướt, ngột ngạt như trong nồi nấu xà phòng.

Mất phương hướng, tôi khó khăn lắm mới không mất thăng bằng. Tôi tìm cách chạy trốn nhưng trước khi kịp chạy tiếp, một trong những nhân viên cảnh sát đã nhảy bổ tới chộp lấy cổ tôi. Anh ta siết chặt cổ khiến tôi buột kêu một tiếng. Bất chấp đang bị ôm ghì, tôi vẫn quay lại được và đẩy lùi kẻ tấn công mình bằng một cú đạp thật mạnh trúng giữa mặt anh ta.

Được tự do, tôi chạy tiếp, đuổi theo sau là nữ đồng nghiệp của anh ta - một phụ nữ thấp bé, khá tròn trịa -, tôi nghĩ có thể nhanh chóng bỏ xa cô ta. Nhưng tôi đã quá đề cao sức lực của bản thân. Hai chân tôi mềm như bún chỉ chực buông xuôi bỏ cuộc, khó khăn lắm tôi mới lấy lại được hơi. Tôi toan chạy qua đường bất chấp dòng xe cộ đang lưu thông thì bỗng nữ cảnh sát ngáng được chân tôi và dồn toàn bộ trọng lượng đè tôi nằm bẹp xuống mặt đường. Tôi chưa kịp vùng vẫy vật lộn thì đã cảm thấy đôi còng thép đóng lại sau lưng, nghiến cả vào phần thịt cổ tay tôi.

Bấy giờ lăng kính vạn hoa những hình ảnh rung động hình thành trước mắt tôi: những chiếc taxi màu vàng đang xuôi ngược trong một con hẻm toàn thủy tinh và bê tông, những lá cờ sao sọc bay phần phật trong gió, bóng một nhà thờ cổ kính chìm nghỉm giữa một rừng những cao ốc chọc trời, một bức tượng đồng miêu tả thần Atlas vạm vỡ đang nâng bổng vòm trời rỗng…

Mặt bị ép gí trên vỉa hè, tôi tê cứng người vì sợ. Một ngọn lửa thiêu đốt gan ruột tôi, một luồng a xít trào ngược cào cấu thực quản. Và trong khi người ta kéo lê thân xác đẫm mồ hôi và gần như trần trụi của tôi trên mặt đường, tôi tự hỏi bằng cách nào mình lại có thể có mặt tại New York, trên đại lộ 5, trong thánh đường Saint-Patrick.

3.

20 giờ

Trong buồng giam.

Vùi mặt vào giữa hai tay, tôi vừa day day thái dương bằng ngón cái vừa mơ đến ba viên aspirin và một đợt truyền chống viêm.

Sau khi tôi bị bắt, một chiếc xe cảnh sát chở tôi đến precinct 17, một pháo đài bằng gạch nâu nằm ở ngã tư phố Lexington giao với phố 52. Ngay khi tới đồn cảnh sát, tôi bị giam chung xà lim với đám người vô gia cư, những kẻ vô lại và mấy tên bán lẻ ma túy.

Nằm dưới tầng hầm của toàn nhà nên xà lim vô cùng ngột ngạt. Không có điều hòa nhiệt độ, không có lấy một khung cửa sổ, không có luồng gió nào thoảng qua. Vào mùa đông, hẳn người ta sẽ rét cóng trong này; còn mùa hè thì mồ hôi túa ra như đang xông hơi. Ngồi trên một băng ghế gắn cố định vào tường, tôi chờ đợi suốt ba giờ nay mà không ai buồn đến đưa quần áo cho. Thân trên để trần và chỉ mặc độc chiếc quần đùi chấm bi hồng, tôi đã phải chịu đựng đủ mọi thể loại giễu cợt từ đám “bạn” cùng buồng giam.

Khi nào thì cơn át mộng này mới kết thúc hả giời?

- Mày khoái trần truồng dạo phố lắm hả thằng pêđê kia?

Đã một giờ nay gã vô gia cư ngồi cạnh kia chòng ghẹo tôi. Gầy trơ xương như con chó ghẻ, đó là một kẻ thân tàn ma dại thực sự với khuôn mặt đỏ au phủ đầy vảy mốc. Rõ ràng là đang lên cơn thèm rượu, gã dành thời gian để lải nhải hàng tràng những lời tục tĩu và gãi bộ râu rậm màu vàng nhạt đến bật máu. Ở Boston, trong khoa cấp cứu nơi tôi làm việc, mỗi ngày người ta vẫn đưa đến cho chúng tôi nhiều bệnh nhân kiểu như gã: những con người bị cuộc sống và đường phố hủy hoại, những con người mong manh nhưng hung hãn, bị cắt đứt khỏi thực tại, mà chúng tôi tiếp nhận trong tình trạng hôn mê vì rượu, vì giảm thân nhiệt hoặc rối loạn tâm thần.

- Bộ dạng này càng tiện để thủ dâm chứ gì thằng gay?

Gã khiến tôi khó chịu nhưng đồng thời cũng làm tôi sợ. Tôi ngoảnh mặt ra chỗ khác để lờ gã đi; gã chợt đứng phắt dậy và túm lấy cánh tay tôi.

- Nói xem, bên trong quần lót mày có chút đỉnh rượu nhạt chứ? Chút đỉnh rượu nhạt trong cái vòi nước to tổ bố của mày ấy...

Tôi khẽ đẩy gã ra. Bất chấp nóng bức, gã vẫn ních chiếc măng tô len dày, cứng đanh vì cáu ghét. Khi gã lại ngồi xuống băng ghế, tôi nhìn thấy một tờ báo gập tư thò ra khỏi túi áo gã. Gã nghiện rượu nằm dài ra băng ghế, mặt quay vào tường. Trong khi gã lại bắt đầu lải nhải liên mồm tôi thó của gã tờ nhật báo rồi bồn chồn mở ra. Đó là tờ The New York Times, trên trang nhất có in dòng tít lớn:

Trong cuộc chạy đua tới ghế tổng thống, hội nghị đảng Dân chủ bầu ứng cử viên tổng thống đã xướng đích danh Bill Clinton. Một tiếng nói mới vì một nước Mỹ mới.

Dưới dòng tít này, một bức ảnh lớn chụp ứng cử viên đang huênh hoang trong vòng tay của vợ là Hillary và con gái Chelsea, một gia đình gắn kết. Tờ báo đề ngày 16 tháng Bảy năm 1992.

Tôi lại đưa tay ôm đầu lần nữa.

Không thể thế được…

Tôi đã đào xới trong tâm trí mà vô ích, chẳng thể làm gì được: ký ức cuối cùng tôi còn giữ là đầu tháng Sáu năm 1991. Tôi suy sụp hoàn toàn. Trong giây lát, một vực thẳm mở ra trong tôi và tim tôi đập rộn. Để trấn tĩnh lại, tôi cố gắng kiểm soát nhịp thở và thỉnh cầu lý trí. Làm sao có thể giải thích sự rối loạn ký ức này? Một tổn thương não chăng? Một giai đoạn chấn thương chăng? Do dùng chất gây nghiện?

Tôi vốn là bác sĩ. Ngay cả khi thần kinh học không phải là chuyên khoa của tôi thì tôi cũng đã trải qua nhiều kỳ thực tập trong các bệnh viện khác nhau đủ để biết rằng chứng quên vẫn thường là một vấn đề nan giải.

Rõ ràng tôi đang mắc chứng quên về sau: tôi không còn bất kỳ ký ức nào về những sự kiện diễn ra sau khi tôi bước vào căn phòng “cấm” của ngọn hải đăng. Kể từ ngày hôm ấy, có thể thấy là điều gì đó đã tắc nghẽn trong trí óc tôi. Tôi đã mất tích khỏi cuộc đời mình suốt hơn một năm ròng!

Nhưng tại sao kia chứ?

Tôi ngẫm nghĩ. Tôi đã từng chứng kiến nhiều bệnh nhân không có khả năng xác lập những ký ức mới sau một chấn thương tâm thần khó lòng chịu đựng: một phản xạ phòng vệ để không chìm đắm trong điên loạn. Nhưng thường thì những ký ức của họ cuối cùng cũng trồi lên bề mặt sau vài ngày; thế mà trong trường hợp của tôi lại là cả giai đoạn kéo dài hơn một năm trời…

Thế mới khốn kiếp…

- Arthur Costello?

Một viên cảnh sát mặc sắc phục vừa cao giọng xướng tên tôi trước cửa buồng giam.

- Là tôi đây, tôi nói rồi đứng dậy.

Anh ta mở khóa cửa buồng giam rồi túm tay dẫn tôi ra ngoài. Chúng tôi đi qua một mê cung các hành lang trước khi tới phòng hỏi cung: hai chục mét vuông, một tấm gương rộng, một chiếc bàn kim loại gắn chặt xuống sàn, xung quanh có ba chiếc ghế tựa lẻ bộ.

Tôi nhận ra viên cảnh sát đầu tiên đã tìm cách bắt giữ tôi và bị tôi đạp ra. Anh ta vẫn đang băng ở cung mày và liếc nhìn tôi với vẻ hằn học như muốn nói “thằng khốn”. Không chút thách thức, tôi nháy mắt với anh ta ra chiều: “Không thù hằn gì nhé cậu.” Anh ta đi cùng một sĩ quan nữa, một phụ nữ người Mỹ Latin có mái tóc đen nhánh búi gọn. Vẻ giễu cợt, cô ta chìa cho tôi một chiếc quần dài vải gai thô đã sờn cùng một chiếc áo phông cô tông màu xám thô ráp. Trong khi tôi mặc bộ đồ mới lên người, cô ta giới thiệu mình là booking officer phụ trách trình tự tố tụng chống lại tôi, và khuyên tôi không nên tỏ ra láu tôm láu cá với cô ta.

Cô ta đặt câu hỏi, tôi cung khai danh tính, tuổi tác, địa chỉ, nghề nghiệp của bản thân. Sau khi thông báo cho tôi biết bản thân bị khép những tội gì - tội phô bày thân thể trong một chốn linh thiêng, từ chối cung khai, hành hung và làm bị thương người thi hành công vụ -, cô ta hỏi xem tôi có phản đối không. Trong khi tôi giữ im lặng, cô ta tìm hiểu xem tôi có tiền sử bệnh tâm thần không. Tôi viện dẫn quyền không trả lời các câu hỏi của cô ta và yêu cầu được gặp luật sư.

- Anh có tiền để thuê luật sư không hay muốn gặp luật sư ủy thác?

- Tôi muốn được văn phòng luật sư Jeffrey Wexler có trụ sở tại Boston bào chữa.

Nữ cảnh sát viên không gặng hỏi thêm; cô ta cho tôi ký biên bản lời khai, báo cho tôi biết sáng ngày mai tôi phải trình diện trước thẩm phán, rồi gọi một phụ tá dẫn tôi tới mugshot room để lấy dấu vân tay và chụp ảnh chân dung. Trước khi ra lệnh dẫn tôi về lại buồng giam, cô nàng booking officer đồng ý cho tôi gọi một cuộc điện thoại.

4.

Không chút hào hứng, tôi quyết định liên lạc với bố mình, Frank Costello. Tôi e ngại phản ứng của ông, nhưng tôi cũng biết chỉ mình ông mới có thể nhanh chóng giải thoát cho tôi khỏi tình huống tai hại mà tôi đang mắc phải. Vậy nên tôi gọi cho Pauline, nữ thư ký trung thành của ông tại bệnh viên và cũng một thời là người tình của ông. Ngạc nhiên khi nhận cuộc gọi của tôi, bà thông báo rằng Frank hiện đang cùng vợ đi nghỉ tại vùng hồ Côme thuộc Ý.

- Chuyện này là sao vậy, Pauline? Bố cháu không bao giờ đi nghỉ và đi nghỉ cách nhà sáu nghìn cây số lại càng không!

- Vậy đấy, cần phải tin rằng mọi chuyện đang thay đổi, bà đáp giọng không mấy thoải mái.

- Nghe này, cháu không có thời gian để giải thích với cô lý do cháu gọi điện, nhưng cháu cần nói chuyện với Frank ngay lập tức.

Bà thở dài, bảo tôi đợi rồi chưa đầy một phút sau, giọng nói trầm khàn của bố tôi vang lên:

- Mẹ kiếp, đúng là con đấy chứ Arthur?

- Chào bố.

- Tại sao con bặt tăm không cho chúng ta biết tin tức gì suốt một năm qua? Cả nhà đã lo lắng tột độ!

Chỉ trong ba câu, tôi mô tả cho ông biết tình cảnh không lấy gì làm vẻ vang của mình.

- Khốn kiếp thật, nhưng suốt thời gian qua con ở đâu chứ?

Tôi nghe thấy giọng ông nghẹn lại vì tức giận ở đầu dây bên kia. Giọng ông ồm ồm như thể đang nói với tôi từ thế giới bên kia.

- Bố có biết là con cũng chẳng hay biết gì về chuyện đó không! Ký ức cuối cùng của con là cái ngày hè khi bố bảo con ký những thứ giấy tờ liên quan đến việc nhận thừa kế ngọn hải đăng.

- Chúng ta hãy nói về chuyện ngọn hải đăng đi! Bố thấy là con đã phá bức tường gạch! Bố đã dứt khoát cấm con làm vậy kia mà!

Câu trả lời của ông khiến tôi không còn kiềm chế được cơn giận điên người nữa.

- Bố chỉ chờ có thế còn gì! Thậm chí bố đã mua cho con tất cả những dụng cụ cần thiết…

Ông không phủ nhận. Trái lại, ẩn sau cơn giận mang tính ước lệ, tôi cảm thấy ông đang nóng lòng muốn biết. Phần tiếp theo của cuộc trò chuyện đã khẳng định linh cảm của tôi.

- Vậy… con đã tìm thấy gì đằng sau cánh cửa?

- Một đống phiền phức, tôi nói để né tránh câu hỏi của ông.

- Con đã tìm thấy gì? Ông nhắc lại với giọng càng lúc càng hăm dọa.

- Muốn biết điều ấy, trước tiên luật sư của bố phải giúp con ra khỏi buồng giam này đã.

Ông bật ho một tràng dài, rồi rốt cuộc cũng hứa.

- Bố sẽ gọi cho Jeffrey ngay bây giờ. Ông ấy sẽ đưa con ra khỏi đó.

- Cảm ơn bố. Bố nói xem, bố có chắc là đã kể con nghe tất cả những gì bố biết về ngọn hải đăng đó không?

- Dĩ nhiên rồi! Tại sao bố phải giấu giếm con bất cứ điều gì chứ? Nhưng lẽ ra bố nên im miệng, bởi vì con có nghe lời bố đâu.

Tôi không muốn dừng lại ở đó.

- Con đặc biệt nghĩ nhiều đến chuyện của ông nội.

- Gì kia, ông nội của con ấy hả? Tin bố đi, bố đã kể con nghe mọi chuyện rồi. Bố thề trên đầu các con bố.

Tôi bật cười kích động. Bố tôi đã dành cả đời mình để thề thốt với mẹ tôi rằng ông không hề lừa dối bà. Thề trên đầu các con ông…

- Khốn kiếp thật, Frank, nói cho con biết sự thật đi nào!

Tôi nghe ông ho như bứt phổi từ đầu dây bên kia. Tôi chợt hiểu ra. Căn cứ vào việc Pauline có thể nhanh chóng nối máy với ông thì ông không phải đang ở Ý, mà đúng ra là ở trong bệnh viện để điều trị căn bệnh ung thư tái phát, trong khi cẩn thận để không ai biết chuyện và tin chắc rằng sẽ lại một lần nữa vượt qua bệnh tật.

- Đồng ý, ông rốt cuộc cũng nhượng bộ. Đúng là có một chuyện bố đã không kể con nghe và có lẽ con xứng đáng được biết.

Tôi chờ đợi được nghe đủ thứ chuyện… và cũng chẳng chuyện gì hết.

- Ông nội con chưa chết.

Nghi nghi hoặc hoặc, tôi hỏi bố xem ông có đùa không.

- Rủi thay là không.

- Sao lại rủi thay ạ?

Tôi nghe thấy một tiếng thở dài thườn thượt rồi:

- Sullivan hiện đang ở New York. Ông bị nhốt trong một bệnh viện tâm thần nằm trên đảo Roosevelt.

Trong khi tôi tiêu hóa lời tiết lộ này, ai đó vỗ vai tôi: nữ cảnh sát Mỹ Latin tìm cách ra hiệu cho tôi hiểu rằng cuộc gọi của tôi không thể kéo dài bất tận như vậy được. Tôi giơ tay ra hiệu xin cô ta thêm một phút.

- Bố biết ông nội còn sống từ khi nào?

- Từ mười ba năm nay.

- Mười ba năm nay ư!

Lại một tiếng thở dài mỏi mệt.

- Vào một tối năm 1979, bố nhận được điện thoại của người phụ trách một hiệp hội đóng tại Manhattan chuyên giúp đỡ những người vô gia cư. Nhân viên của ông ta vừa tìm thấy Sullivan đang lang thang trong ga Trung tâm. Ông nội con hung hăng, hoàn toàn mất phương hướng, không biết mình đang ở đâu hay đang ở thời đại nào nữa.

- Còn bố, bố là con đẻ của ông mà lại cho giam nhốt ông trong trại tâm thần sao?

- Con đừng nghĩ là bố sung sướng khi làm vậy! Cơn giận bùng lên trong Frank. Bấy giờ ông nội con đã mất tích được hơn hai mươi tư năm. Ông bệnh tật, hung hãn, không thể kiểm soát nổi… Ông toàn nói huyên thuyên! Ông tự buộc tội mình đã sát hại một phụ nữ… Vả lại bố đã không ra quyết định một mình. Đã có nhiều cuộc giám định tâm thần và tất tật đều kết luận dứt khoát: hoang tưởng bị truy hại, loạn tâm thần, suy giảm trí nhớ do tuổi tác…

- Nhưng sao bố có thể giữ bí mật chuyện ấy được nhỉ? Con có quyền được biết mà! Bố đã lấy mất của con một người ông. Con đã có thể tới thăm ông, con đã có thể…

- Vớ vẩn! Con sẽ không yêu mến con người ông lúc bấy giờ đâu. Tới thăm một mớ rau thì phỏng có ích gì cho con? Chỉ tổ khiến con đau lòng thôi!

Tôi không chịu nghe theo lập luận đó của ông.

- Những ai biết chuyện đó hả bố? Mẹ con? Chị con? Anh con?

- Chỉ có mẹ con biết chuyện thôi. Con nghĩ gì vậy? Bố đã làm mọi chuyện để giữ kín sự việc. Bố muốn bảo vệ gia đình ta, bảo vệ việc kinh doanh…

- Giữ thể diện cứu vãn vẻ bề ngoài, như thường lệ… Đó luôn là điều quan trọng nhất đối với bố, phải không?

- Con làm bố phát bực rồi đấy, Arthur!

Tôi muốn đáp trả nhưng ông đã dập máy.

5.

9 giờ sáng, ngày hôm sau

- Con biết người ta nói sao không, con trai: ta không bao giờ có cơ hội thứ hai để tạo ấn tượng đẹp.

Trong khi chúng tôi đang ngồi chờ ngoài hành lang tòa án, Jeffrey Wexler giúp tôi chỉnh lại nút thắt cà vạt; nữ trợ lý của ông, tay cầm cây cọ trang điểm xoay qua xoay lại, cố gắng dùng lớp phấn nền che đi hai quầng thâm dưới mắt và gương mặt tái nhợt như xác chết của tôi. Chúng tôi chỉ có vài phút để quyết định chiến lược cần áp dụng trước khi tôi trình diện trước thẩm phán, nhưng trung thành với triết lý của bố tôi, trong mắt Jeffrey thì vẻ bề ngoài còn quan trọng hơn cả nội dung hồ sơ.

- Thật bất công, nhưng chuyện là như vậy đấy, vị luật sư già nói tiếp. Nếu con khiến người khác có cảm tình với mình khi đứng trước vành móng ngựa, con đã vượt qua được nửa chặng đường rồi. Phần còn lại, con cứ để ta lo liệu.

Tôi biết ông từ khi còn nhỏ xíu và không hiểu tại sao, tôi vô cùng yêu quý ông. Phải nói rằng vị luật gia này đã tiến hành mọi việc hết sức chu đáo. Ông không chỉ mang tới cho tôi một bộ quần áo tươm tất mà còn nghĩ tới việc lấy ví cho tôi, trong đó có thẻ tín dụng cùng toàn bộ giấy tờ - thẻ căn cước, giấy phép lái xe, hộ chiếu - để xác lập chắc chắn danh tính của tôi trước tòa. Chúa mới biết tại sao nhưng ông ấy cũng đã xoay xở để trường hợp của tôi được ưu tiên xem xét trước.

Phiên xử đầu tiên diễn ra trong chưa đầy mười phút. Vẫn theo nếp làm việc uể oải, một thẩm phán còn ngái ngủ trình bày nhanh những tội tôi bị khép, rồi nhường lời lần lượt cho bên ủy viên công tố và luật sư biện hộ. Bấy giờ Jeffrey bắt đầu bài diễn văn của ông. Bằng cách xâu chuỗi những lập luận man trá chỉ mang tính hình thức với giọng nói đầy thuyết phục, ông bắt đầu chứng minh rằng toàn bộ sự việc này chỉ là một hiểu lầm vô nghĩa, và ông yêu cầu bác bỏ toàn bộ những lời buộc tội chống lại tôi. Không để người ta phải khẩn nài thêm, ngài công tố viên chấp nhận bỏ qua lời cáo buộc chính liên quan đến tội phô bày nơi công cộng. Nhưng, sau cuộc trao đổi kịch liệt cuối cùng với Jeffrey, ông ta từ chối xem xét lại tội hành hung người thi hành công vụ. Jeffrey tuyên bố rằng trong tình thế này, chúng tôi sẽ biện hộ thành vô tội. Công tố viên yêu cầu nộp hai mươi nghìn đô tiền bảo lãnh, Jeffrey đã xin giảm xuống còn năm nghìn đô. Rồi thẩm phán thông báo với tôi rằng nay mai tôi sẽ bị triệu tập tới tòa và gõ búa.

Vụ tiếp theo!

6.

Phiên xử vừa kết thúc thì tôi hiểu ra rằng Jeffrey có nhiệm vụ đưa tôi về Boston. Ông khẩn khoản đề tôi về cùng ông nhưng tôi muốn ở lại tự tung tự tác.

- Frank sẽ không hài lòng đâu, ông ca cẩm.

- Nếu có ai đó có thể đương đầu với ông ấy thì đó chính là ông, phải không ạ?

Ông đầu hàng và nhét vào túi áo tôi bốn tờ bạc mệnh giá năm mươi đô.

Cuối cùng cũng được tự do!

Tôi rồi khỏi tòa án rồi đi bộ qua nhiều khối nhà. Lúc này đã là 10 giờ sáng, nhưng không khí trong thành phố vẫn còn mát lành. Âm thanh rì rầm của thành phố nghe thật yên lòng. Dù suốt đêm qua không hề chợp mắt, nhưng tôi cảm thấy mình vừa trút bỏ được một gánh nặng thành ra thể lực cũng sung mãn hơn. Các khớp của tôi đã linh hoạt, tôi thở đều, cơn đau nửa đầu đã biến mất. Chỉ có cái bụng làm tôi thấy khó chịu vì cứ sôi ùng ục. Tôi dừng chân ở tiệm Dunkin’ Donuts, tự chiêu đãi mình một cốc cà phê lớn cùng chiếc bánh rán trước khi tiếp tục hành trình: đại lộ Công viên, đại lộ Madison, đại lộ 5. Lần gần đây nhất tôi đặt chân tới New York là để dự tiệc tiễn biệt đời trai của một trong các đồng nghiệp bác sĩ. Chặng dừng chân đầu tiên ở New York, rồi chuyển hướng sang Atlantic City. Tôi còn nhớ chúng tôi đã thuê một chiếc xe ở quầy của hãng Hertz đặt tại khách sạn nơi cả bọn ở, khách sạn Marriott Marquis, nơi nổi tiếng với quầy bar trên cao có thể xoay tròn và mang lại tầm nhìn ba trăm sáu mươi độ bao trọn Manhattan.

Khi tới quảng trường Thời đại, tôi vẫn có cảm giác lợm giọng như mọi lần. Nếu ban đêm, những thác đèn nê ông ngụy trang được vết lở loét đang phá hủy nó thì giữa ban ngày, khu phố không thể che giấu nổi độ nhớp nhúa của nó: những biển hiệu peep-show và những mặt tiền rạp chiếu phim khiêu dâm bị đám người vô gia cư chiếm dụng, những tên nghiện với bộ mặt như xác ướp cùng đám gái điếm mỏi mệt. Vài ba du khách lùng sục trong mấy tiệm bán đồ lưu niệm buồn tẻ. Một gã móm sều ngồi ăn xin, cổ đeo sợi dây mảnh buộc tấm biển đề “HIV dương tính”. Khu ổ chuột ngay tại ngã giao nhau của thế giới (\*).

(\*) Crossroads of the World là một trong những biệt danh của quảng trường Thời đại. (Chú thích của tác giả)

Tôi băng qua Broadway rồi tiến vào lối đi ngầm dẫn tới đại sảnh khách sạn. Tôi dễ dàng tìm ra quầy của hãng cho thuê xe. Nhân viên tra cứu trên máy tính và nhận thấy thông tin của tôi vẫn lưu trong dữ liệu của hãng. Để khỏi mất thời gian, tôi chấp nhận chiếc xe đầu tiên mà anh ta đề xuất: một chiếc Mazda Navajo hai cửa với đường nét vuông vức góc cạnh. Đến lúc thanh toán, tôi ngạc nhiên nhưng cũng nhẹ cả người khi thấy thẻ tín dụng của mình vẫn còn hoạt động. Tôi ngồi vào sau tay lái rồi rời Manhattan theo đường FDR Drive thẳng hướng Bắc.

Để tìm lại ký ức, tôi cần phải quay trở lại nơi xảy ra chấn thương tâm thần đầu tiên. Chính là nơi mọi chuyện đã bắt đầu: trong căn hầm của ngọn hải đăng 24 Ngọn Gió.

Suốt bốn tiếng hành trình đến tận Cape Cod, tôi dò đài phát thanh hết kênh này đến kênh khác, các kênh tin tức xen kẽ chương trình âm nhạc. Bốn tiếng học hỏi gấp háp để gỡ lại “khoảng vắng mặt” dài hơn một năm. Tôi ghi nhận mức độ được lòng dân của Bill Clinton, nhân vật mà một năm trước tôi còn chưa biết đến sự tồn tại; ghi nhận độ nổi tiếng của một nhóm rock alternatif mới, Nirvana, những bản ghi ta của nhóm tràn ngập sóng phát thanh. Tôi biết được rằng vào mùa xuân nhiều cuộc bạo loạn đã tàn phá Los Angeles sau khi bốn cảnh sát hành hung Rodney King được tha bổng. Dựa vào cách người dẫn chương trình giới thiệu bài hát Living On My Own, tôi hiểu ra rằng Freddie Mercury hẳn đã vừa qua đời. Trên một kênh phát thanh dành riêng cho điện ảnh, các thính giả bàn luận về những bộ phim mà tôi chưa từng nghe nói đến: Basic Instinct; The Commitments, My Own Private Idaho…

7.

Đã hơn hai giờ chiếu khi tôi tiến vào lối đi rải sỏi dẫn tới 24 Winds Lighthouse. Vẫn đứng sừng sững và đầy mê hoặc, cái bóng mùm mụp của ngọn hải đăng hiện ra vững chãi giữa những mỏm đá, phơi những mạn sườn bằng gỗ sơn dưới ánh nắng mùa hè đang rực rỡ trên bầu trời. Vừa ra khỏi xe tôi đã phải khum tay che mắt để tránh luồng bụi bị cuốn theo cơn gió lốc vừa thổi từ vách đá tới.

Tôi leo mấy bậc thềm đá dẫn tới căn nhà gỗ. Cửa ra cửa vào ngôi nhà nhỏ kế bên ngọn hải đăng đã được khóa lại nhưng tôi chỉ cần huých vai một cú mạnh là khiến nó bung ra.

Mười ba tháng đã trôi qua nhưng không có gì thay đổi. Vẫn những đồ dùng mộc mạc, vẫn cách bài trí như im sững trong thời gian. Tôi thấy bình pha cà phê Moka cùng chiếc tách mình đã dùng để uống cà phê hơn một năm trước đang nằm trong bồn rửa. Tro trong lò sưởi cũng không được quét dọn.

Tôi mở cửa hành lang ốp gỗ nối căn nhà nhỏ với tháp hải đăng. Đến cuối hành lang, tôi nhấc cánh cửa trập dẫn xuống hầm lên rồi men xuống theo những bậc cầu thang nghiến kẽo kẹt để xuống căn phòng nằm trong lòng đất.

Tôi gạt cầu dao bật điện. Căn phòng hình chữ nhật vẫn nguyên xi như thời điểm tôi bỏ nó lại một năm trước. Chỉ trừ có điều, lần này, hơi nóng ẩm ướt đã nhường chỗ cho thứ không khí khô và mát. Tôi thấy mớ dụng cụ của mình nằm gần đống hòm xiểng bằng gỗ: cây búa tạ, con dao, thanh đục, phủ dày mạng nhện.

Đằng sau bức tường gạch bị phá toang là cánh cửa nhỏ bằng sắt rèn. Tôi đã quên đóng cánh cửa trập phía trên cầu thang. Một luồng gió khiến cánh cửa khẽ đung đưa trên những bản lề hoen gỉ kêu kẽo kẹt. Tôi lại gần, không chút sợ hãi mà chỉ hy vọng rằng những ký ức sẽ bắt đầu tràn về và cuối cùng tôi sẽ hiểu được rõ hơn. Thấu hiểu. Tôi chuyên chú thực hiện cùng một động tác, dùng lòng bàn tay chùi sạch lớp bụi bám trên tấm biển bằng đồng và dòng chữ Latin khắc trên đó như đang chế nhạo tôi:

Postquam viginti quattuor venti flaverint,

nihil jam erit

Trời càng lúc càng lạnh hơn. Nơi này dứt khoát không phải là nơi dễ chịu nhất nhưng tôi không để quyết tâm của mình nao núng. Vừa cố để khỏi run lên, tôi vừa bước vào trong căn phòng giống như ngục thất. Lần này tôi còn không cầm theo đèn pin. Căn ngục chìm trong bóng tối. Tôi hít một hơi thật sâu hòng tiếp thêm dũng khí cho bản thân mà khép cánh cửa lại. Trong khi tôi đang chìa tay về phía nắm cửa, một cơn gió đã ra tay nhanh hơn, bất thần đóng sập cánh cửa. Tôi giật thót mình, rồi đờ ra, chờ vài giây, người co lại, sẵn sàng đối diện.

Nhưng… chẳng có gì xảy ra. Không co giật, không răng đánh lập cập, không máu ù ù bên tai.

8.

Tôi rời ngọn hải đăng trong tâm trạng vừa yên tâm vừa thất vọng, tuy thế vẫn tin chắc rằng mình đã bỏ sót một chi tiết nào đó.

Tôi đang cần câu trả lời, nhưng phải đi tìm chúng ở nơi khác. Có lẽ là ở phòng khám của một bác sĩ tâm thần hoặc trong một buổi khám với chuyên gia khoa thần kinh.

Ngồi vào sau tay lái chiếc SUV, tôi chạy thẳng hướng Boston để về nhà. Hành trình kéo dài một tiếng rưỡi đồng hồ như dài vô tận với tôi. Tôi vừa cầm lái vừa gà gật. Do mệt mỏi, đầu óc tôi quay mòng mòng còn hai mắt thì cứ díp lại dù tôi không muốn. Tôi cảm thấy mình bẩn thỉu và kiệt sức. Tôi cần phải tắm qua dưới vòi sen rồi đánh một giấc dài nửa ngày để bù lại một đêm thức trắng. Nhất là tôi đang đói ngấu. Dạ dày tôi rỗng tuếch, co rút, kêu gào thảm thiết vì đói.

Tôi đỗ xe vào chỗ trống đầu tiên gặp trên phố Hanover với ý định sẽ cuốc bộ về tòa nhà mình sống trong khu North End. Không biết căn hộ của tôi đang như thế nào nhỉ? Trong lúc tôi đi vắng có ai cho con mèo của tôi ăn không?

Dọc đường, tôi dừng chân tại tiệm Joe’s Foods để mua đồ: patê, xốt pesto, sữa chua, nước rửa bát, mấy hộp thức ăn cho mèo hiệu Whiskas… Khi ra khỏi tiệm tạp hóa, tôi xách theo hai túi giấy bồi to tướng. Tôi men theo lối cầu thang bộ nở đầy hoa đậu tía nối Hanover với ngọn đồi nơi tọa lạc tòa nhà mình sống. Tôi kẹp hai túi đồ dưới tay trong lúc đợi thang máy. Tôi bước vào buồng thang máy hẹp bên trong nồng mùi hoa cam rồi vặn vẹo người để nhấn nút lên tầng trên cùng.

Trong khi hai cánh cửa sắt khép lại và tôi đang hồi tưởng những lời bố nói ban nãy, mắt tôi nhìn vào mặt đồng hồ đeo tay. Bấy giờ là 17 giờ. Cùng giờ này hôm qua, tôi đang thức dậy tại thánh đường Saint-Patrick trong bộ dạng gần như trần trụi.

Hai mươi tư giờ trước…

Con số hai mươi tư vang lên trong tôi đầy lạ lùng. Thoạt tiên là ngọn hải đăng 24 Ngọn Gió, rồi việc ông Sullivan mất tích kéo dài… hai mươi tư năm.

Sự trùng hợp khiến tôi thấy lạ kỳ, nhưng tôi không kịp nghĩ ngợi quá lâu về chuyện đó. Mắt tôi bỗng mờ đi. Tôi có cảm giác nhoi nhói ở các đầu ngón tay và cơn buồn nôn dâng lên trong dạ dày. Tứ chi tôi run lẩy bẩy. Cơ thể tôi cứng đờ, như thể tôi đã mất quyền kiểm soát nó. Như thể nó vừa bị chập mạch. Như thể dòng điện hàng nghìn vôn đang chạy qua não tôi.

Tôi buông rơi hai túi đồ.

Rồi một cơn rừng rực bứt tôi khỏi thời gian.

Phần bản quyền tác phẫm không có type

Phần bìa trong không có type

Không căn giữa phần đầu truyện và đầu chương 1

Có vài từ đánh sai và không căn lề giống trong sách

1993

Sullivan

Nên biết rằng tôi có thể tin vào mọi chuyện,

miễn sao chúng hoàn toàn không thể tin nổi.

Oscar WILDE

0.

Một màn mưa như trút nước nóng giãy chụp lên tôi.

Với cường độ giống như người ta đang đóng đinh vào sọ tôi. Không khí tràn ngập một thứ hơi nóng xích đạo mê mụ quay cuồng quanh tôi khiến hai mí mắt tôi nhíu lại. Mũi tôi bị bịt chặt, tôi ngạt thở. Tôi đang đứng, nhưng gần như miễn cưỡng, trong một trạng thái giống như bị thôi miên. Đôi chân tôi run lẩy bẩy và chẳng bao lâu nữa sẽ khuỵu xuống. Bỗng một tiếng thét kinh khiếp xé rách màng nhĩ tôi.

Tôi giật mình mở choàng mắt. Tôi đang ở… trong một cabin tắm dưới một luồng nước mạnh!

1.

Đứng bên cạnh tôi, một cô gái khoả thân, xà phòng và dầu gội phủ kín từ đầu đến chân, đang hét đến sái quai hàm. Nét mặt biến dạng của cô ta đông cứng lại do kinh ngạc và khiếp hãi. Tôi đặt tay lên vai cô ta, một cử chỉ hòng làm đối phương yên lòng, nhưng trước khi tôi kịp mở miệng giải thích bất cứ điều gì, cô ta đã tống vào mũi tôi một cú đấm trời giáng. Tôi lảo đảo đưa tay lên che mặt. Trong khi tôi cố lấy lại hơi, cú đấm thứ hai trúng ngay giữa ngực khiến tôi vấp ngã đập vào gờ cabin tắm ốp sành. Tôi cố túm lấy rèm cabin tắm nhưng mặt sàn trơn trượt khiến tôi ngã đập đầu vào bồn rửa.

Hoảng loạn, người phụ nữ trẻ ra khỏi cabin, vớ đại một chiếc khăn rồi lao ra khỏi phòng tắm.

Lả đi trên sàn, tôi nghe loáng thoáng thấy cô ta đang khua động hàng xóm. Lời lẽ vẳng đến tôi méo mó, mơ hồ, tuy thế tôi vẫn nghe thấy “hiếp dâm” … “trong phòng tắm nhà tôi” … “gọi cảnh sát”…

Vẫn gập người, choáng váng, bất động, tôi cố lau nước đang chảy ngoằn nghoèo trên hai mí mắt. Mũi rỏ máu, tôi hụt hơi như thể vừa chạy ma ra tông.

Não tôi ra lệnh cho cơ thể đứng dậy, nhưng tứ chi tôi tê liệt. Thế nhưng tôi vẫn biết mình đang gặp nguy lớn. Tôi đã rút ra bài học từ vụ thánh đường Saint-Pattrick. Bằng mọi giá tôi phải tránh bị ngồi tù. Tôi gom hết sức lực, cuối cùng cũng khó nhọc đứng dậy được, nhìn quanh phòng tắm rồi lại gần một khung cửa kính. Tôi nhấc cánh cửa sập lên: nó trông ra một lối đi riêng nằm kẹt giữa hai toà nhà. Nhoài người ra, tôi nhìn thấy đằng xa một đại lộ bốn làn rộng rãi, thẳng nhưng hơi dốc.

Những chiếc taxi màu vàng tươi, cả dãy mặt tiền bằng gạch nâu và gang, những bể chữa đặt trên nóc nhà: không còn nghi ngờ gì nữa, tôi lại đang có mặt tại New York.

Nhưng ở đâu?

Và nhất là … vào thời điểm nào?

Trong khi những giọng nói đã trở nên gấp gáp hơn trong căn hộ, tôi thò chân qua khung cửa sổ rồi bám lấy cầu thang thoát hiểm bằng kim loại. Tôi lao kiểu được chăng hay chớ qua mấy bậc thang xuống tới phố, chọn đại một hướng rồi huy động các cơ bắp để chuồn đi nhanh hết mức. Ánh mắt tôi đeo dính vào hai tấm biển xanh lục và trắng đang chồng lên nhau nơi góc phố: tôi đang ở ngã tư đại lộ Amsterdam giao phố 109. Vậy là ở mạn Tây Bắc Manhattan, trong khu phố sinh viên Morningside Heights. Tôi nghe thấy tiếng còi hụ của xe cảnh sát đang tiến lại gần. Hoảng hốt, tôi rẽ trái gấp để rời đại lộ, lánh sang một đường nhánh chật hẹp hai bên là các bụi cây lúp xúp.

Kẹt giữa hai toà nhà, tôi đi men sát tường để ẩn náu và lấy lại sức. Tôi xì mũi thì thấy máu dây ra tay áo. Bộ đồ tôi đang mặc ướt sũng. Rõ ràng tôi vẫn đang mặc nguyên bộ quần áo từ khi chia tay Jeffrey Wexler. Tôi máy móc đưa mắt nhìn xuống cổ tay. Tôi vẫn đeo chiếc đồng hồ của ông nội, chiếc Tank vô cùng sang trọng chỉ hơn 9 giờ sáng một chút.

Nhưng là ngày nào?

Tôi cố gắng tập trung suy nghĩ. Ký ức sau cùng của tôi: buồng thang máy dẫn lên căn hộ riêng, hai túi đồ ăn rơi xuống sàn, cơn co giật dữ dội giống hệt lần đầu tiên tôi gặp phải trong căn hầm của ngọn hải đăng…

Tôi hắt hơi. Không khí êm dịu, bầu trời xanh, nắng đã ấm áp. Thế mà răng tôi vẫn va lập cập.

Mình phải thay quần áo.

Tôi ngước mắt nhìn lên: trên các cửa sổ có treo quần áo. Dĩ nhiên không phải là những thứ quần áo đúng như tôi mong ước, nhưng giờ thực sự không phải là lúc để tôi làm cao. Tôi nhảy lên một thùng chứa rác rồi leo trên mặt tiền nhà cho đến khi với được những thứ quần áo kia. Tôi giật bừa những thứ mình quờ được rồi mặc vào: quần vải, áo phông kẻ sọc, áo khoác jean. Chẳng thứ nào vừa vặn với tôi - ống quần xoắn lại trên mắt cá chân, áo khoác jean quá chật -, nhưng ít ra thì tôi cũng được khô ráo. Tôi lấy lại đống tiền chẵn tiền lẻ trong túi rồi quăng mớ quần áo ướt vào thùng rác.

Tôi quay ra đại lộ rồi lẩn vào đám đông. Một lần nữa tôi lại thấy chóng mặt, rồi dạ dày quặn lên khiến đầu tôi đau nhói. Nếu muốn suy nghĩ được nên hồn, tôi cần phải ăn thứ gì đó. Tôi đã nhìn thấy một tiệm diner ở đầu kia phố.

Nhưng trước khi bước vào nhà hàng, tôi nhét hai đồng 25 cent vào máy bán báo tự động. Tôi nhìn ngày tháng ghi trên măng sét báo rồi đột nhiên kinh sợ vì điều vừa phát hiện.

Đang là thứ Ba ngày 14 tháng Chín 1993…

2.

- Trứng, bánh mì và cà phê của anh đây.

Cô gái phục vụ bàn đặt tách cà phê cùng đĩa đồ ăn lên mặt bàn fooc mi ca rồi ban cho tôi nụ cười duyên trước khi trở lại đứng sau quầy. Vừa ngốn ngấu bữa sáng, tôi vừa chăm chú đọc trang nhất tờ The New York Times:

Yitzhak Rabin và Yasser Arafat

ký kết thoả thuận hoà bình.

Tổng thống Clinton tán thưởng

“một sự đánh cược can đảm”.

Ebook Fun&Free

Bài báo được minh hoạ bằng một bức ảnh vừa bất ngờ vừa gây ấn tượng mạnh: Bill Clinton tươi cười đứng trước Nhà Trắng, hai cánh tay dang rộng, cụng tay chúc mừng với bên phải là Thủ tướng Israel và bên trái là thủ lĩnh của Tổ chức giải phóng Palestine.

Cử chỉ mang tính biểu trưng này cùng những tuyên bố của các bên tham gia hé mở hy vọng về một nền hoà bình sắp tới giữa hai dân tộc thù nghịch. Nhưng tôi đang ở thực tại hay trong chiều không gian thứ tư thế này?

Tôi tổng kết tình hình. Lần này, mười bốn tháng đã trôi qua kể từ những ký ức mới nhất của tôi. Một cú nhảy mới trong dòng thời gian, đột ngột và không tài nào lý giải nổi. Một dấu ngoặc đơn quá sức dài.

Mẹ kiếp, nhưng mình đang gặp phải chuyện gì thế này?

Tôi cảm thấy hai tay mình run lên. Tôi sợ. Tôi khiếp đảm như thằng nhóc tin chắc rằng có con quái vật nấp dưới gầm giường mình. Tôi biết mình đang gặp phải chuyện gì đó nghiêm trọng khiến cuộc sống đảo lộn hoàn toàn.

Tôi hít thở sâu để trấn tĩnh lại, giống như đôi khi vẫn khuyên các bệnh nhân của mình. Tôi phải đối mặt, không được để mình bị hạ gục. Nhưng tôi đang chống lại ai đây? Biết phải nhờ ai giúp đây?

Không phải chờ lâu câu trả lời đã xuất hiện: nhất định không nên nhờ bố tôi bởi ông vốn chỉ biết nói dối như cuội. Một nhân vật khác hiện lên trong tâm trí tôi: người duy nhất có lẽ cùng từng chịu đựng những gì đang xảy ra với tôi vẫn còn sống: Sullivan Costello, ông nội tôi.

Cô gái phục vụ dạo một vòng quanh các bàn để đảm bảo không tách cà phê nào cạn. Tôi tranh thủ khi cô gái đi qua để nhờ cô ta kiếm cho một tấm bản đồ thành phố rồi hứa sẽ boa một khoản hậu hĩnh.

Tôi vừa nhấp vài ngục cà phê còn nóng vừa nghĩ đến những gì bố nói với tôi: Ông nội con chưa chết, Sullivan hiện đang ở New York. Ông bị nhốt trong một bệnh viện tâm thần nằm trên đảo Roosevelt.

Trên tấm bản đồ cô phục vụ bàn vừa mang tới, tôi nhìn thấy thẻo đất nhỏ nằm giữa sông Đông: đảo Roosevelt là một hòn đảo như không có thực kẹt giữa Manhattan và khu Queens. Ba cây số chiều dài với khoảng hai trăm mét chiều rộng nơi tôi chưa từng đặt chân tới. Tôi còn nhớ đã từng đọc một cuốn truyện trinh thám cũ có nhắc tới sự hiện diện của một nhà thương điên trên đảo, nhưng nó hẳn đã đóng cửa từ lâu rồi. Hoặc có lẽ là không. Vì trong kỳ nội trú y khoa, tôi biết láng máng là có vài ba trung tâm khám chữa bệnh vẫn còn hoạt động trên đảo, trong đó có một bệnh viện tâm thần tai tiếng: bệnh viện Blackwell, mà mọi người đặt cho biệt danh là Lầu năm góc vì hình dạng toà nhà trụ sở có năm mặt tiền. Hẳn là ông Sullivan đang bị nhốt ở đó.

Viễn cảnh gặp lại ông nội không chỉ đem lại cho tôi một mục đích mà còn tiếp thêm chút can đảm nữa. Tôi phải tới đó ngay. Nhưng người ta có cho tôi vào bên trong không? Có, thoạt tiên, nếu tôi có thể chứng minh chính mình là một trong những hậu duệ trực hệ của ông.

Bỗng nhiên, một nỗi nghi hoặc thoáng qua tâm trí tôi.

Ví của tôi!

Ban nãy khi dốc cái túi ra, đúng là tôi đã lấy lại tiền mặt, nhưng quên khuấy mất chiếc ví đựng giấy tờ tuỳ thân.

Hoảng hốt, tôi thanh toán hoá đơn rồi quay đầu chạy về đường nhánh. Thùng rác vẫn ở nguyên đó. Tôi tìm thấy đủ cả áo vest lẫn quần rồi lục lọi kĩ càng.

Không có gì…

Khỉ thật!

Nếu có chút logic nào đó trong tình huống hoàn toàn phi lý mà tôi đang gặp phải thì ví tôi hẳn phải ở trong bộ quần áo này. Tôi không muốn tin là nó đã bị móc mất: trong trường hợp đó thì tên kẻ cắp phải ưu tiên tiền mặt mà tôi để trong các túi chứ.

Hẳn là mình đã đánh mất…

Tôi tiến vài bước để ra tới đại lộ Amsterdam. Trí óc tôi tiếp tục hoạt động hết công suất.

Hẳn là ban nãy mình đã làm rơi trong phòng tắm…

Những bước chân dẫn tôi về phía toà nhà nơi một giờ trước tôi vừa tìm cách chuồn khỏi. Nơi này tĩnh lặng gần như hoang vắng. Không chút dấu vết của cảnh sát hay bất kỳ sự náo động nào. Tôi đi vòng quanh toà nhà, quyết tâm ép buộc vận may của bản thân. Cầu thang thoát hiểm đã được rút lên, nhưng tôi vẫn với tới bằng cách trèo lên một vạt tường thấp. Tôi leo thang thoát hiểm lên tận cửa sổ tầng bốn. Những mảnh thuỷ tinh vỡ đã được quét gọn và giờ chỉ có một mảng bìa các tông vuông vắn dán băng dính chằng chịt bịt ô cửa sổ vỡ kính. Tôi dễ dàng gỡ được mảnh bìa ra, nâng khung cửa lên rồi chui vào phòng tắm.

Không một tiếng động. Không ban bệ tiếp đón. Cô gái đã vội vàng quơ chổi lau vài nhét để những vệt máu và nước biến mất. Tôi rón rén bước trên nền nhà lát gạch vuông. Thoạt nhìn thì không thấy tăm hơi ví của tôi đâu. Thất vọng, tôi ngồi xổm xuống, nhìn vào gầm chiếc tủ com mốt lung lay, rồi gầm chiếc tủ đứng bằng gỗ trắng trên các ngăn giá chất đầy thuốc, mỹ phẩm, máy sấy tóc, túi đồ vệ sinh cá nhân.

Và ở đó, trong đám bụi, tôi nhận ra chiếc ví da rạn của mình, hẳn nó đã rơi khỏi túi khi tôi ngã sóng soài gần bồn rửa.

Tôi thò tay với lấy chiếc ví, kiểm tra xem giấy tờ tuỳ thân còn bên trong không rồi lần đầu tiên kể từ bấy lâu nay, tôi buông một tiếng thở phào nhẹ nhõm. Khôn ngoan ra thì tôi nên rời khỏi căn hộ ngay, nhưng ngất ngây với chiến thắng nho nhỏ này và bắt đầu tự tin vì thấy trong nhà vẫn im ắng, tôi bèn mạo hiểm bước ra khỏi phòng tắm.

3.

Căn hộ không một bóng người.

Đó là một căn hộ nhỏ lộn xộn, nhưng bài trí cẩn thận. Trên quầy bar của khu bếp tin hin có gói ngũ cốc đã bóc cùng chai sữa chua uống mà nữ chủ nhân căn hộ đã quên không cất vào đúng chỗ trước khi vội vã rời khỏi nhà.

Tôi nhai vài hạt lúa mì rang rồi cất gói ngũ cốc lên giá, cất chai sữa chua vào tủ lạnh. Có điều gì đó giữ chân tôi lại nơi đây: khát khao muốn hiểu tại sao tôi lại tỉnh lại trong chính căn hộ này.

Tôi lục lọi trong phòng khách. Hai giá nhỏ chất đầy sách. Xếp thành nhiều chồng gần đầu video là hàng chục đĩa VHS: các tập phim Seinfeld và Twin Peaks, những chồng phim thể hiện quan điểm nghệ thuật của đạo diễn: Paris, Texas của Wim Wenders, Tình dục, những lời dối trá và video của Steven Soderbergh, Mean Streets của Martin Scorsese, Một ngày đặc biệt của Ettore Scola, Thang máy lên đoàn đầu đài của Louis Malle, cũng có cả Căn tiệm nhỏ kinh hoàng và phần lớn các phim có Meryl Streep thủ vai: Lựa chọn của Sophie, Người tình của viên trung uý Pháp, Out of Africa…

Trên tường là tranh chép các tác phẩm trứ danh của Andy Warhol, Keith Haring và Jean-Michel Basquiat.

Trên chiếc bàn thấp có một bao thuốc bạc hà và chiếc bật lửa “I LOVE NY”. Tôi ngồi xuống tràng kỷ khiến lò xo kêu kẽo kẹt rồi châm một điếu thuốc. Vừa nhả bụm khói đầu tiên, tôi vừa hồi tưởng lại gương mặt cô gái ban nãy đã gào thét dưới vòi sen. Nỗi kinh hoàng đọc được trên gương mặt đó khiến tôi không còn nghi ngờ gì nữa: cô ta vì sợ quá đỗi bất ngờ. Rõ ràng là chúng tôi không quen biết nhau. Tôi hẳn đã bất thần xuất hiện trong phòng tắm nhà cô ta như một dạng bác sĩ Who đồi bại.

Tiếng meo meo khiến tôi ngoái lại nhìn. Một chú mèo vằn với đôi mắt tròn xeo và bộ lông màu hung sẫm vừa nhảy lên tay ghế. Tôi nheo mắt nhìn kỹ tấm mề đay khắc tên đeo quanh cổ chú mèo. “Remington”.

- Chào chú mày.

Ngay khi tôi thử vuốt ve, chú ta liền nhảy phốc sang bên cạnh rồi biến mất cũng nhanh như lúc xuất hiện.

Tôi đứng dậy để khám phá căn phòng cuối cùng của căn hộ. Một căn phòng sàn gỗ mộc, chồng chất những thứ đồ chắp vá: một chiếc giường sắt rèn cũ kỹ, một bàn viết hiện đại màu đen sơn bóng, một chùm đèn pha lê có từ thế kỷ trước. Trên mặt bàn đầu giường là đống tạp chí Playbill về những vở nhạc kịch mới ra mắt (chiếc mặt nạ và bông hồng của vở Bóng ma nhà hát, đôi mắt mèo của Cats, đội ngũ chỉnh tề của Chorus Line…), nhiều cuốn tiểu thuyết với các trang quăn góc (Một lời cầu nguyện cho Owen, Beloved, Rafael, những ngày cuối cùng).

Trên tường có dán bằng băng dính những bức ảnh chụp cô gái tôi không quen biết trong nhiều kiểu trang phục khác nhau từ váy dạ hội đến những bộ đồ lót hết sức kiệm vải. Bao nhiêu tấm ảnh màu hoặc đen trắng là chừng ấy kiểu tóc khác nhau: buông xoã, búi xoắn, đuôi ngựa, bob xoăn, xù dài thả trên vai trần. Có vẻ như tuy không phải là người mẫu chuyên nghiệp nhưng cô gái đã tự tạo cho mình một tập hồ sơ dự tuyển dạng ảnh để gửi tới các hãng.

Đính phía trên bàn làm việc là một bản photo thời khoá biểu với phần tiêu đề của Julliard School, ngôi trường nghệ thuật biểu diễn nổi tiếng. Bên cạnh đó có một phiếu ghi danh mang tên Elizabeth Ames. Cô gái hai mươi tuổi và đang học năm nhất khoa kịch nghệ.

Tôi mở các ngăn kéo để xem lướt qua tất cả những tài liệu mình nhìn thấy không chút ngại ngần: bản nháp những lá thư tình gửi đến gã nào đó tên David, những tấm ảnh polaroid chụp Elizabeth khoả thân hoàn toàn – những bức ảnh chụp theo phong cách tự sướng, có lẽ là để gửi cho gã David kia, nhưng rốt cuộc cô gái đã quyết định không gửi -, một thời gian biểu khác liên quan đến công việc phục vụ bàn tại Frantic, một quán bar thuộc khu East Side. Tôi cũng nhìn thấy những bản sao kê tài khoản ngân hàng được đính trên tấm bảng gỗ bẩn, chúng cho thấy chủ tài khoản đang rơi vào tình cảnh giật gấu vá vai, cùng nhiều lá thư đòi tiền thuê nhà còn thiếu được chủ căn hộ gửi tới.

Tôi nấn ná thêm vài phút trong phòng ngủ, mắt dán vào những mặt tường dán ảnh. Ánh mắt tôi dừng lại ở một bức ảnh: bức ảnh chụp Elizabeth một ngày tuyết rơi, ngồi ghé lên thành băng ghế gỗ bên cạnh cột đèn đường trong Công viên Trung tâm. Cô đội mũ len, mặc chiếc áo măng tô quá rộng so với khổ người và mang đôi bốt da lộn. Đó là bức ảnh kém sexy nhất, nhưng cũng là bức ảnh duy nhất người trong ảnh mỉm cười.

Trước khi rời khỏi căn hộ, tôi gỡ bức ảnh này ra rồi cất vào túi.

4.

Hai giờ sau

- Tôi để anh ở lại với ông ấy nhé, gã y tá bảo. Thoạt tiên, chẳng có lý do gì để ông ấy tỏ ra hung hăng, nhưng thôi, anh là bác sĩ: anh biết rõ hơn tôi là không có quy luật nào với dạng bệnh lý này mà…

Tôi đang ở tầng tám của bệnh viện Blackwell – Lầu năm góc trứ danh -, trước cửa phòng bệnh của ông nội. Sau khi rời căn hộ của Elizabeth Ames, tôi ngồi taxi tới tận ngã tư đại lộ 2 giao cắt đại lộ 60. Tại đó, với giá vé tàu điện ngầm một chiều, buồng cáp treo đưa tôi lên trên sông Đông rồi thả tôi xuống Tramway Plazza nằm giữa đảo Roosevelt. Tôi đi bộ tiếp tới toà nhà Lầu năm góc nằm ở cực Nam của đảo. Bệnh viện này vẫn luôn mang tiếng xấu. Được xây dựng từ giữa thế kỷ 19, thoạt đầu bệnh viện đón tiếp những bệnh nhân mắc đậu mùa mà thành phố muốn cách ly. Tiếp đó, nó được chuyển thành nhà thương điên và tập trung tất cả những nhược điểm của dạng cơ sở y tế này: quá tải, đối xử tàn tệ với bệnh nhân, những thí nghiệm tâm thần học gần như không hợp pháp. Ngay từ những năm 1960, sách báo đã tố cáo những hành vi này và nhiều thành phần nhân sự của bệnh viện đã bị đưa ra toà. Theo thời gian, mọi chuyện đã được cải thiện nhưng nơi này chưa bao giờ thực sự gỡ bỏ được hình ảnh thảm hại kia. Từ khi tôi bắt đầu học Y, không có năm nào người ta không thông báo bệnh viện sắp đóng cửa, nhưng cần phải công nhận một điều hiển nhiên: Lầu năm góc vẫn luôn tồn tại, và tôi hy vọng sẽ tìm thấy lối thoát cho mình chính giữa chốn này.

- Tôi phải cảnh báo anh, gã y tá nhắc. Nút gọi cấp cứu của phòng này không hoạt động.

Khó khăn lắm tôi mới nhìn được vào mắt gã. Giống như Nhị Diện, một nhân vật truyện tranh, gương mặt gã bị cháy sém phân nửa.

- Vậy nên nếu xảy ra bất cứ vấn đề gì, anh đừng ngần ngại hét to, gã nói tiếp. Vì chúng tôi đang thiếu người trầm trọng nên không chắc chúng tôi đã nghe thấy anh đâu, nhưng đó là cách công hiệu nhất để doạ nạt lão già lẩm cẩm này.

- Anh đang nói đến ông nội tôi đấy!

- Nếu ta không thể đùa được nữa thì xin kiếu, gã nhún vai lầm bầm.

Nhị Diện mở cửa phòng, mời tôi vào trong rồi không quên gài chốt bên ngoài. Đó là một căn phòng nhỏ xíu, thứ xà lim khắc khổ với đồ đạc vỏn vẹn có chiếc giường sắt cũ kĩ, ghế nhựa lung lay và bàn được gắn thẳng xuống nền nhà. Một người đàn ông đang nằm dài trên đệm, nửa thân trên được dựng lên, tựa vào gối. Một cụ già bí hiểm với bộ râu bạc và mái tóc trắng cứng như rễ tre buông xuống tận vai. Bất động, cặp mắt lờ đờ, trông ông như đang ở đâu đó, như một pho tượng, mê mải với cơn mộng mị xa xăm. Ông cụ Gandalf dưới tác dụng của thuốc tâm thần.

- Chào ông Sullivan, tôi nói đoạn tiến về phía ông, hơi có chút rụt rè. Cháu là Arthur Costello. Ông cháu mình chưa từng gặp nhau nhưng cháu chính là con bố Frank đây. Vậy nên ông là ông nội cháu.

Vào đề không đến nội tệ…

Ông Sullivan vẫn ngồi im phăng phắc như tượng đá, hình như còn không nhận ra sự hiện diện của tôi.

- Mới đây thôi, cháu còn chưa biết là ông vẫn còn sống, tôi giải thích trong lúc ngồi xuống gần giường. Cháu không biết ông vẫn còn sống và đang chữa trị tại bệnh viện này. Nếu biết chuyện thì cháu đã tới thăm ông sớm hơn.

Tôi nhẩm tính tuổi của ông nội bằng cách chắp nối những thông tin do bố tôi cung cấp. Nếu tôi không nhầm thì ông Sullivan vừa qua tuổi bảy mươi. Đằng sau những dấu vết thời gian và bộ râu che lấp một phần khuôn mặt, ta có thể đoán ra những đường nét cân đối, một vầng trán cao, mũi to nhưng hài hoà, cái cằm quyết đoán. Tôi dễ dàng hình dung ra ông ba chục năm về trước, như tôi đã nhìn thấy trên những bức ảnh gia đình: hình mẫu chủ doanh nghiệp năng động mặc những bộ đồ may đo, áo sơ mi cổ hồ bột có khuy măng sét và đội mũ Fedora. Tôi vẫn nhớ như in một bức ảnh chụp ông: miệng phì phèo điếu xì gà, chân gác lên bàn làm việc trong văn phòng hãng đặt tại đại lộ Madison. Một thời kì khác, một con người khác…

Tôi dịch ghế lại gần giường rồi cố gắng thu hút ánh mắt ông.

- Hôm nay cháu có mặt tại đây chính là để nhờ ông giúp đỡ.

Ông không chớp mắt.

- Cháu được thừa kế ngọn hải đăng của ông, 24 Winds Lighthouse, và…

Tôi bỏ lửng câu nói để chờ đợi, để hy vọng thấy một phản ứng nhưng tuyệt nhiên không có gì hết.

Tôi thở dài. Không còn nghi ngờ gì nữa, tôi đã sai lầm khi tới đây. Thoạt tiên là bởi hai chúng tôi hoàn toàn xa lạ với nhau. Và nhất là bởi ông nội vẫn một mực câm lặng và không dấu hiệu nào cho thấy một ngày nào đó ông sẽ lên tiếng.

Tôi đứng dậy rồi tiến về phía cửa sổ, nhìn qua hàng chấn song những đám mây mềm xốp như bông đang trôi về phía Astoria. Mặc dù đang là mùa thu nhưng căn phòng vẫn lạnh căm. Tôi nghe rất rõ tiếng nước chảy trong lò sưởi gang đúc, nhưng lò chẳng toả ra chút hơi ấm nào hết.

Tôi quay lại ngồi xuống ghế rồi thực hiện một nỗ lực sau cuối.

- Bố Frank đã kể cho cháu nghe là bốn năm sau khi mất tích, ông đã liên lạc với bố để yêu cầu bố xây bít cánh cửa kim loại dưới căn hầm.

Ông lão vẫn bất động, hai tay đan vào nhau để trên bụng giống như một tác phẩm điêu khắc người quá cố. Tôi nói tiếp:

- Cháu đã xuống hầm. Cháu phá bức tường gạch và…

Nhanh như một con báo, ông Sullivan giơ tay thộp lấy họng tôi.

Tôi để mình bị đánh úp như một gã tay mơ. Tôi đã mất cảnh giác khi thấy trạng thái uể oải của ông và giờ thì nắm tay thép của ông đang khép lại trên thanh quản tôi. Hơi thở bị chặn đứng, tôi nhìn ông không rời mắt. Lời nhắc về cánh cửa đã gây ra phản ứng giống như một cú sốc điện. Lời tiết lộ khiến mắt ông tìm lại được ánh chớp bạc đáng sợ.

- Tại sao cậu lại làm như thế hở tên nhóc ngu ngốc kia? Ông thì thầm vào tai tôi.

Tôi tìm cách thoát ra nhưng ông càng túm chặt hơn. Ông lấy đâu ra sức mạnh nhường ấy? Tôi cảm thấy các ngón tay ông đang bấm sâu, ép chặt lấy thực quản tôi. Ông lão khùng điên này sắp làm tôi ngạt thở!

- Cậu đã mở cánh cửa kim loại ra hả? Cậu đã bước vào căn phòng đó hả?

Tôi gật đầu xác nhận. Câu trả lời của tôi khiến ông tuyệt vọng. Ông thình lình buông tay và tôi bật ho rũ rượi.

- Ông điên quá đấy! tôi vừa hét lên vừa đứng dậy

- Có lẽ thế, ông đồng tình, nhưng còn cậu, cậu đang gặp rắc rối lớn rồi chàng trai ạ.

Một khoảng lặng dài. Hai chúng tôi ngờ vực nhìn nhau suốt hơn một phút. Ông Sullivan đã đổi thái độ. Vẻ nghiêm trang và tập trung, trông ông như vừa thức dậy sau cơn ác mộng tồi tệ. Như một lữ khách trở về sau hành trình rất dài. Ánh mắt sắc lẹm và dữ dằn, ông nhìn tôi chăm chú từ đầu đến chân.

- Cậu vừa nói cậu tên gì hả?

- Arthur. Arthur Sullivan Costello.

Nghe đến tên đệm của tôi, một nụ cười thoảng qua khiến gương mặt ông bừng sáng và làm hiện lên trên đó hai lúm đồng tiền.

- Và tại sao cậu dám lấy cắp đồng hồ đeo tay của ta hả Arthur Sullivan Costello? ông hỏi đoạn chỉ vào chiếc Tank đang đeo trên cổ tay tôi.

- Ông muốn cháu trả lại cho ông không?

Ông đặt tay lên vai tôi.

- Không đâu anh bạn trẻ. Tin ta đi, cậu sẽ cần đến nó hơn là ta.

Ông đứng dậy, bẻ cho các khớp kêu răng rắc như thể ông cảm thấy chật chội trong thân xác mình.

- Vậy là cậu đã mở cánh cửa ra và lúc này, cậu đang tự hỏi mình gặp phải chuyện gì…

- Vâng, cháu có nhiều điều muốn hỏi ông. Ông phải…

Ông giơ tay lên ngắt lời tôi.

- Chúng ta đang ở năm nào rồi?

- Ông đùa cháu đấy ạ?

- Phải rồi, ta lừa cậu đấy. Hôm nay là 14 tháng Chín năm 1993.

Tôi thấy ông ngẫm nghĩ trước khi hỏi thêm:

- Cậu làm nghề gì vậy?

- Cháu là bác sĩ, sao ông hỏi vậy?

- Chẳng sao cả. Cậu làm việc trong bệnh viện hả?

Trong khi tôi gật đầu xác nhận, trí não ông có vẻ bắt đầu hoạt động với vẻ lạ kỳ và mắt ông bừng lên một tia sáng mới rất khó diễn giải.

- Cậu có thuốc lá ở đấy không?

- Cháu không nghĩ ta có thể hút thuốc ở đây, tôi nói rồi chỉ vào thiết bị báo cháy.

- Cậu còn chưa hiểu hả? Trong phòng giam này chẳng có cái gì hoạt động hết.

Tôi thở dài, lục tìm trong túi rồi chìa ra cho ông chiếc bật lửa cùng bao thuốc bạc hà ban nãy vừa lấy ở nhà Elizabeth Ames.

- Cái quái gì thế này? ông nhăn mặt. Cậu coi ta là một mụ đàn bà hay sao thế? Cậu không có thuốc Lucky Strike hả?

Không đợi tôi trả lời, ông tuôn ra một tràng rủa xả nhưng rốt cuộc cũng châm điếu thuốc rồi rít một hơi dài.

- Cậu mở cánh cửa ra khi nào vậy? ông hỏi, nét mặt bỗng nhiên trở lại nghiêm nghị.

- Hồi tháng Sáu năm 1991.

- Vậy ra đây là chuyến du hành thứ hai của cậu… Cậu thức dậy gần lần nhất là khi nào?

- Chín giờ sáng nay. Chính xác ra thì ông gọi cái gì là du hành vậy?

- Cậu sẽ nhận được câu trả lời cho tất cả những câu hỏi mình đặt ra, anh bạn nhỏ. Nhưng trước hết cậu cần giúp ta một việc.

- Việc gì ạ?

- Giúp ta thoát khỏi cái ổ chuột này. Ngay hôm nay.

Tôi lắc đầu.

- Ông đùa sao? Không thể làm vậy và cũng không nên làm vậy, ông Sullivan ạ, tôi nói bằng giọng trấn an kiểu bác sĩ như trước kia đã quen miệng nói rất nhiều lần. Trong tình trạng của ông hiện giờ, sẽ là không hợp lẽ nếu…

Ông bật cười giễu cợt rồi chĩa ngón trỏ vào ngực tôi:

- Nhưng cậu có làm điều ấy cho ta đâu, cậu nhóc. Cậu sẽ làm điều ấy cho bản thân mình. Vậy nên hãy nghe cho rõ đây, vì chúng ta không có nhiều thời gian đâu.

Ông ghé sát tai tôi rồi tuôn ra một loạt chỉ dẫn. Mỗi lần tôi toan mở miệng, ông đều cao giọng để khiến tôi từ bỏ ý định. Ông vừa nói xong thì chuông báo cháy vang lên.

Vài giây sau, Nhị Diện đã lao vào phòng.

Gã điên tiết khi nhìn thấy mẩu thuốc và bao thuốc để trên bàn.

- Đủ rồi đấy, anh bạn, mời anh rời khỏi đây ngay cho!

5.

Tôi lên cáp treo quay về Manhattan.

Trí óc sôi sục, những ý nghĩ của tôi rối hơn canh hẹ. Tôi vẫn còn đang sửng sốt khi thấy ông Sullivan lên kế hoạch nhanh như chớp, nhưng tôi không cảm thấy mình có thể giúp ông đào thoát. Ít ra là nếu chỉ có một mình. Tôi muốn rút tiền từ máy tự động nhưng lần này thẻ của tôi bị từ chối. Hẳn là vì hai năm qua tôi đã không sử dụng nhiều. Tôi đếm số tiền mặt ít ỏi còn lại trong túi, bảy mươi lăm đô. Đủ để tôi mua một vé tàu về Boston, ngoài ra không thể tiêu thêm món nào đáng kể. Tôi nhìn đồng hồ đeo tay: sắp hết buổi sáng rồi.

Tôi chạy tới ga Penn để mua một vé chiều đi. Tôi liếc qua bảng giờ tàu: cứ hai tiếng lại có tàu tốc hành và chuyến tiếp theo xuất phát lúc 13g03. Tôi chạy ùa vào sân ga và kịp nhảy lên một toa tàu.

Trong suốt hành trình, nhiều câu hỏi khiến tâm trí tôi xáo trộn. Câu hỏi đầu tiên nhức nhối: làm thế nào để chặn đứng lời nguyền này và lấy lại cuộc sống trước kia? Tôi chỉ có một giải pháp duy nhất: ông Sullivan. Trong trường hợp này, câu hỏi thứ hai thực sự liên quan đến lương tri: tôi có quyền giúp một bệnh nhân trốn khỏi trại thương điên không? Một người mà tôi không lường hết được bệnh tình thực tế. Một người mà tôi đã chứng kiến có thể bất thần lên cơn hung bạo. Một người ngoài tầm kiểm soát, có thể tấn công những người vô tội, thậm chí còn tệ hơn thế…

Câu trả lời quá rõ ràng: không.

Câu hỏi thứ ba: tôi có lựa chọn khác không?

Lần này cũng vậy, câu trả lời quá rõ ràng…

6.

Ga Nam Boston

16g40

Đến ga, vừa xuống khỏi tàu, tôi đã chạy thật nhanh về phía khu phố tài chính. Tôi còn quá ít thời gian: không một ngân hàng nào thuộc khu trung tâm thành phố mở cửa sau 17 giờ.

Ngân hàng của tôi nằm ở tầng trệt trong toà nhà hiện đại ngay cạnh Faneuil Hall. Tới lối vào, tôi vấp phải cánh cửa kính mà nhân viên bảo vệ vừa cài chốt. Tôi gõ ba lần lên vách kính; anh ta quay lại và ném cho tôi ánh mắt khó chịu. Tôi dùng đầu ngón tay gõ lên mặt đồng hồ đeo tay để chỉ cho anh ta thấy giờ: 16g59. Anh ta lắc đầu rồi hất cằm vẻ chế giễu chỉ lên đồng hồ treo tường kỹ thuật số lúc này đang hiển thị 17g01.

Tôi thở dài rồi giáng một cú đấm cáu kỉnh vào cánh cửa. Bị chọc giận, nhân viên bảo vệ đã toan rời chỗ, nhưng lại cẩn trọng và muốn cấp báo lên một người hữu trách. May sao, người xuất hiện trước mặt tôi lại là Peter Lange, ông vốn phụ trách tài khoản và tiền tiết kiệm của tất cả các thành viên trong gia đình tôi. Ông nhận ra tôi nên đích thân ra mở cửa cho tôi:

- Arthur, lâu quá không gặp cậu!

- Tôi đi du lịch châu Âu, tôi nói dối. Tôi biết mình tới hơi muộn, nhưng tôi rất cần ông giúp.

- Vậy thì cậu vào đi.

Tôi cảm ơn ông ta nhưng không giây phút nào cho phép mình ảo tưởng: nếu ông ta tỏ ra ngọt ngào và khoan hoà như vậy thì chính bởi ông là chủ nhà băng của bố tôi. Tôi theo Lange vào văn phòng riêng, giải thích với ông ta rằng thẻ thanh toán của mình không còn hoạt động nữa rồi hỏi han về tình hình tài chính cá nhân. Ông ta gõ trên máy tính lệnh in một bảng kê những giao dịch mới nhất. Trong vòng hai năm tôi “vắng mặt”, các hoạt động tài chính vẫn tiếp tục. Thật không may là tất tật đều theo cùng một chiều. Tiền thuê nhà, tiền bảo hiểm và tiền trả khoản vay từ thời sinh viên được trích ra đều như vắt chanh. Vì bệnh viện đã ngừng rót khoản lương còm cõi của tôi vào tài khoản nên ngân hàng đã trích thẳng từ tài khoản tiết kiệm để chi trả những khoản tiêu dùng, một khoản dành dụm mà mẹ tôi để lại cho tôi trước khi từ trần, năm mươi ngàn đô đó giờ chỉ còn chín ngàn.

- Tôi muốn rút toàn bộ số tiền này.

- Được thôi, Lange nhăn mặt, nhưng ngày mai cậu hẵng quay lại đây và phải để lại trong tài khoản ít nhất là một nghìn đô.

Tôi cố nài, bịa rằng tôi phải rời Boston ngay tối nay và nhất định cần khoản tiền mẹ tôi để lại. Tôi không hy vọng khiến ông ta động lòng, nhưng thực tế là ông ta lắng nghe tôi và cố gắng thu xếp mọi việc. Nửa giờ sau, ông ta tiễn tôi về với tám ngàn đô tiền mặt. Vào lúc chia tay, gã ngốc đó thậm chí còn bồi cho tôi một câu “xin thành thật chia buồn” như thể mẹ tôi vừa mất tuần trước.

Tôi chường ra vẻ mặt rầu rĩ rồi chuồn nhanh, vẫy một chiếc taxi để tới Nam Dorchester.

7.

Tại bệnh viện đa khoa Massachusetts, các bác sĩ nội trú khoa cấp cứu phải tham gia mỗi tháng ba lần vào một tua khám bệnh có phần đặc biệt: một chiếc xe tải mang theo thiết bị y tế tìm tới những khu phố nghèo nhất Boston để cho phép toàn bộ dân chúng được tiếp cận với hình thức chăm sóc sức khoẻ miễn phí. Về mặt lý thuyết, đó là một ý tưởng tốt đẹp. Còn trên thực tế, đó thường xuyên là cơn ác mộng. Trong suốt vài tháng trời khi tôi tham gia vào chuyến phiêu lưu, chiếc xe tải của chúng tôi thường xuyên trở thành mục tiêu cho các băng nhóm xã hội đen ném đá vì cho rằng sự hiện diện của chúng tôi cản trở việc làm ăn của chúng. Chúng tôi lần lượt bị hành hung, tấn công, trấn lột, đến nỗi các nhân viên y tế đi cùng xe cứu thương phải cấp báo lên nghiệp đoàn để được thực thi quyền rút khỏi nơi làm việc trong trường hợp gặp nguy hiểm. Tuy nhiên, toà thị chính vẫn thiết tha với dự án này và duy trì nó dựa vào lực lượng tình nguyện. Vậy nên tôi đã nhiều lần tự mình lái chiếc xe tải ấy, lấy từ một khu thuộc ngoại vi thành phố giống với kho giữ đồ vô chủ hơn là một ga ra.

Tôi đang nhớ lại thời kỳ đó, thật xa mà cũng thật gần, trong lúc bước vào bên trong Fitzpatrick’s Auto Repair, một trong những xưởng sửa chữa lớn nhất thành phố chuyên bảo dưỡng máy xe tang, xe buýt trường học và xe cứu thương.

Căn xưởng rộng lớn sực mùi dầu mỡ, dầu diesel và lốp cao su. Ngay khi tôi đặt chân vào xưởng, một con chó bull-terrier lông trắng hung hăng đã lao tới chào đón tôi bằng tràng sủa inh ỏi.

Lũ chó luôn khiến tôi sợ. Con chó này còn làm tôi kinh khiếp và con vật cảm nhận được điều đó. Tôi cố gắng lờ nó đi rồi tiến về phía trước người phụ trách xưởng.

- Chào Dany.

- Chào nhóc, lâu quá rồi nhỉ. Ít nhất cậu cũng không sợ Zoria của tôi đấy chứ, cậu biết đấy, nó chỉ là một cô nàng dễ thương thôi mà.

Một đống mỡ cao mét chín bó chặt trong chiếc sơ mi kẻ ca rô và chiếc quần yếm cáu bẩn. Dany Fitzpatrick còn đáng sợ hơn con chó của anh ta. Sau lưng, mọi người lén gọi Dany là Jabba le Hutt nhưng chẳng ai đủ can đảm để nhắc tới biệt danh đó trước mặt anh ta.

- Conrad cử tôi đến lấy một chiếc xe cứu thương để sử dụng tối nay, tôi nói với Dany như thể vừa gặp anh ta hôm trước.

- Cậu nói gì vậy? Tôi chẳng nhận được đơn đặt hàng nào cả.

- Conrad sẽ fax đơn đặt hàng cho anh, tôi đáp luôn. Anh biết vụ này rồi mà: tua khám bệnh mới phát sinh ngoài dự kiến. Đêm nay sẽ là các trung tâm bảo trợ xã hội tại Mattapan và Roxbury. Anh ấy e là chúng tôi sẽ có vài ba bệnh nhân cần vận chuyển, nhưng chúng tôi vẫn muốn thứ gì đó nhẹ nhàng thôi. Một chiếc xe nhỏ kiểu bệnh viện lưu động, xưởng anh có thứ gì đó như vậy không?

- Đúng là tôi có một chiếc Ford Serie E, anh ta nói đoạn hất cằm chỉ một chiếc xe cứu thương, nhưng…

Tôi tiến về phía chiếc xe tải nhỏ đã được cải dụng thành xe cấp cứu.

- Thứ này hoàn hảo đấy. Anh đừng băn khoăn vụ fax. Lúc nào nhận được tờ fax đó anh tiếp ký thay tôi nhé. Anh đã làm vậy nhiều lần rồi còn gì.

Lúc bấy giờ Dany mới dùng khối mỡ của mình ngăn tôi tới gần chiếc xe.

- Khoan đã, anh chàng bộp chộp. Tôi sẽ rất ngạc nhiên nếu nhận được bức fax của Conrad đấy.

- Sao lại thế?

- Bởi vì cậu ta đã không còn làm ở bệnh viện từ sáu tháng nay rồi.

Tôi tỏ ra phẫn nộ rồi thử chơi kiểu được ăn cả ngã về không:

- Nghe này, Dany, anh nghĩ tôi thích thú lắm sao khi bị người ta giao cho tua khám bệnh này? Hai năm vừa rồi tôi đã được miễn rồi đấy. Tôi đảm bảo với anh là anh sẽ nhận được một bức fax của bệnh viện. Nếu không thì anh muốn tôi làm cái cóc khô gì với chiếc xe cứu thương này chứ? Hẳn anh sẽ nhất trí với tôi thôi, đây đâu phải chiếc xe lý tưởng để đi cua gái.

Dany Fitzpatrick gãi đầu. Tôi phải chốt nhanh, không để anh ta kịp suy nghĩ. Ai mà biết rồi ra hậu quả sẽ thế nào. Một thông tin tôi vừa đọc được trên báo bỗng lướt qua tâm trí:

- Thứ Bảy này có trận Red Sox gặp Yankee. Anh tới nhà tôi xem nhé. Tôi biết anh đang để ý Veronika mà. Cô nàng tóc hung của khoa ngoại ấy sẽ có mặt cùng đám bạn gái, Olivia và Patricia. Mấy cô nàng đó, mỗi khi uống vào thì dữ dằn phải biết, anh hiểu ý tôi muốn nói gì rồi đấy.

Trong thâm tâm, tôi ngay lập tức xin lỗi Veronika, vừa tự nhủ rằng mình không thích thú gì khi làm vậy, mà chỉ nhằm một mục đích tốt đẹp…

- Nhất trí vụ thứ Bảy, Dany tỏ ý đồng tình rồi đưa tôi chìa khoá xe. Giờ cậu ở đâu?

Năm phút sau, tôi lái chiếc xe cứu thương rời khỏi ga với nụ cười trên môi.

Tôi lái xe xuyên qua Dorchester với ý định sẽ lên đường quay về New York. Đó là một khu phố rộng rãi và kỳ dị, suốt vài cây số chỉ bày ra những toà nhà thấp tè xây bằng sành đỏ, mấy bãi đất hoang cùng những rào chắn kín mít hình graffiti. Đó cũng là Boston mà tôi yêu: Boston của hỗn tạp chủng tộc, của những sân bóng rổ rào lưới sắt và những cửa hiệu nhỏ vẫn giữ nguyên vẻ cổ kính.

Tôi dừng lại trước đèn đỏ, bật radio trên xe, gặp đúng một ca khúc của nhóm R.E.M mà mình chưa nghe nhắc đến bao giờ nhưng ngay lập tức đã huýt sáo theo đoạn điệp khúc. Dù cho còn chưa bắt đầu nhưng kế hoạch của tôi cũng đang dần thành hình. Trên sóng phát thanh, một ca khúc mới bắt đầu trong khi đèn tín hiệu vẫn chưa chuyển màu. Tôi vừa nóng lòng chờ đợi vừa nhìn quanh. Bên trái tôi là một tấm biển chỉ dẫn đã được “trang trí”: ba chữ Z lớn vẽ bằng sơn đỏ cố gắng che hướng đi – nghĩa trang Forest Hills – như để yểm trừ tà ma. Tôi nhận ra nơi này: mẹ tôi được an táng tại đây cùng bà nội tôi.

Đèn chuyển sang xanh nhưng tôi vẫn không nhúc nhích bất chấp tiếng còi của xe đi sau. Xin thành thật chia buồn. Sự thật hiển nhiên vừa dội thẳng vào tim tôi: câu nói ban nãy của người đại diện ngân hàng kia không hề liên quan đến việc mẹ tôi qua đời.

Mà liên quan đến việc bố tôi qua đời.

8.

Nghĩa trang trải rộng trên hơn trăm héc ta và giống như một công viên kiểu Anh hơn là chỗ yên nghỉ dành cho người quá cố. Sau khi đỗ xe vào bãi, tôi men theo một trong những lối mòn quanh co trong khung cảnh có nhiều thung nhỏ, điểm xuyết nhiều đài phun nước bằng cẩm thạch, vài nhà thờ nhỏ cùng những bức tượng đẹp đẽ và thanh thoát.

Kể từ ngày an táng mẹ, một ngày mùa hè năm 1984 trời xám xịt vì mưa gió, tôi không còn đặt chân đến đây nữa, và nơi này đã đổi khác nhiều. Nhưng chẳng bao lâu sau, khi sang tới sườn bên kia của ngọn đồi nhỏ, tôi nhận ra mặt hồ có mỏm đá nhô lên khiến nơi này phảng phất không khí của một bức tranh trường phái gothic.

Tôi đi theo con đường rừng hai bên xây hai bức tường thấp bằng đá xếp. Bấy giờ là 18 giờ. Mặt trời đang lặn phủ lên cảnh vật thứ ánh sáng tuyệt mỹ. Giữa đám cây cối sum suê, vài khách viếng đến đây với mục đích ban đầu là tĩnh tâm đã kéo dài chuyến đi để tận hưởng tiết trời đẹp và cơn gió thoảng đang khiến những lùm cây và khóm hoa lay động.

Dưới bóng cây cổ thụ, tôi băng qua lối đi rải sỏi nằm giữa những ngôi mộ lộ thiên và hầm mộ. Đến lượt mình, tôi cũng để cho nỗi ưu tư xâm chiếm cho đến khi nhìn thấy tấm bia trên mộ bố.

FRANK COSTELLO

SINH NGÀY 2 THÁNG GIÊNG 1942

MẤT NGÀY 6 THÁNG CHÍN 1993

Ta từng là thứ ngươi đang là,

Ngươi sẽ là thứ ta đang là.

Bố tôi vừa qua đời tuần trước, vậy là lễ an táng của ông vừa mới diễn ra: chừng ba bốn ngày trước

Tôi thấy đau đớn. Không phải vì ông, không, mà đúng hơn là vì tất cả những khoảng khắc chúng tôi đã không chia sẻ cùng nhau. Tuy thế tôi vẫn cố tìm kiếm một kỷ niệm hạnh phúc nhưng không tìm ra, điều này khiến tôi càng buồn hơn. Nói cho cùng, tôi đã hy vọng có được tình yêu của ông. Tôi nhớ lại lúc ông tìm tới nhà tôi vào sáng ngày thứ Bảy khó quên kia và diễn màn quyến rũ: lời hứa về một buổi đi câu cá song, một buổi chiều thân tình giữa bố và con trai… Để dụ tôi vào cái bẫy ông giăng sẵn và kéo tôi đến tận ngọn hải đăng, ông đã dùng chiêu bài tình cảm. Còn tôi cũng khá ngu ngốc nên đã chui đầu vào rọ.

Lần cuối cùng chúng tôi nói chuyện với nhau cách đây đã một năm, một cuộc trò chuyện qua điện thoại. Những lời sau cùng ông dành cho tôi là: “Con làm bố phát bực rồi đấy, Arthur!”

Con làm bố phát bực rồi đấy, Arthur!

Một lời tóm tắt chuẩn xác về mối quan hệ giữa chúng tôi.

Trong khi lau khô dòng nước mắt trên má, tôi không khỏi tự hỏi liệu một ngày nào đó mình có con không. Căn cứ vào hoàn cảnh bấp bênh của tôi hiện giờ thì điều này có vẻ chẳng lấy gì làm chắc chắn, nhưng dẫu sau tôi vẫn thử hình dung ra mình đang chơi bóng chày cùng một cậu nhóc hoặc tới trường đón cậu tan học. Ở cả chi tiết này nữa, không một hình ảnh nào hiện ra rõ rệt trong tâm trí tôi. Không có gì đáng ngạc nhiên: đầu tôi đang toàn những ý nghĩ đen tối. Và dĩ nhiên không đủ tình yêu để trao tặng.

Tôi tiến lại gần phiến đá cẩm thạch, miễn cưỡng mỉm cười khi đọc thấy dòng văn bia.

Không đâu, Frank, hy vọng lớn nhất của con là không bao giờ giống như bố. Hãy liếc qua cái đám rối tinh mà bố đẩy con vào mà xem…

Tôi như nghe thấy tiếng cười của ông vang trong gió, rồi giọng ông cất lên đầy tự mãn: “Bố đã bảo con rồi mà, Arthur. Đừng nên tin tưởng một ai, kể cả bố của con…”

Điều tệ nhất, đó là ông không hề nhầm. Con người đểu cáng đó đã cảnh báo tôi nhưng tôi cứ ngỡ mình ranh ma hơn nên đã mở cánh cửa khốn kiếp đó! Tôi giận đến mức bắt đầu nói thành tiếng:

- Tôi đã luôn làm mọi việc mà không cần đến ông, Frank ạ. Và lần này cũng vậy, tôi sẽ tự mình tìm cách thoát ra.

Tôi dang rộng cánh tay, giơ mặt mình ra trước ánh mặt trời và nói tiếp một câu sau cùng tỏ ý thách thức:

- Ông nhìn đây, tôi vẫn đang sống, còn ông thì đã chết rồi. Giờ thì ông không thể làm gì phiền đến tôi được nữa.

Nhưng cũng như mọi khi, ông vẫn là người nói lời cuối:

“Con có chắc không hả Arthur?”

9.

23g58

Đã gần nửa đêm khi tôi tới New York. Dọc đường, tôi đã dừng tại cửa hàng Gap trên phố Boylston để mua mấy thứ quần áo vừa vặn: quần âu, sơ mi trắng và bu dông vải thô. Cơn điệu đàng thái quá này không hề mang tính thực chất. Tôi cần phải có vẻ bề ngoài coi được để tiến hành phần tiếp theo trong kế hoạch cho suôn sẻ.

Tôi đỗ chiếc xe cứu thương “của mình” trong một đi thuộc East Village nằm giữa phố 3 và đại lộ 2, rồi ngược lên tận quảng trường St. Marks.

Vào giờ này, đây không phải là nơi yên tĩnh nhất Manhattan. Bầu không khí nhiễm vẻ bất an. Những vỉa hè ngập rác, những toà nhà cũ nát bị lũ du thủ du thực chiếm dụng. Trên cầu thang bộ của những khối nhà brownstone bệ rạc có thể thấy những thân xác méo mó, bất động, mắt nhắm nghiền.

Ở gốc cây hai bên đường có thể nhác thấy nhiều xi lanh cùng bao cao su đã qua sử dụng. Nhiều bức graffiti tục tĩu phủ lên mặt tiền các tiệm bán đĩa hoặc các tiệm xăm hình. Nhất là ma tuý có mặt ở khắp mọi nơi: những tay bán lẻ len lỏi khắp khu phố để phân phối cả cocain, heroin lẫn thuốc lắc trước mặt tất cả mọi người. Một cộng đồng đa dạng – punk cựu trào, yuppie, dân nghiện đã sắp xuống lỗ - tới họp chợ trước khi về nhà để phê pha hoặc đi tiệc tùng trong các câu lạc bộ gần đó. Tại những khu vực như thế này, hơn bao giờ hết New York đúng là một thành phố nơi mọi điều đều có thể xảy ra.

Nhất là điều tệ hại nhất.

0g16

Ở góc quảng trường St. Marks giao với đại lộ A, tôi dừng lại trước câu lạc bộ Frantic nơi tôi hi vọng tìm ra Elizabeth Ames.

Chìm trong bầu không khí nóng bức ngột ngạt, nơi này đông nghịt người. Cặp song tấu ghi ta basse đang tàn phá không thương tiếc một ca khúc hit của Van Morrison. Rượu tuôn thành dòng. Trên sàn nhảy là cảnh chen vai thích cánh. Những mái đầu dính bết mồ hôi xoã vào nhau. Nhưng màn diễn thực sự là ở đằng sau quầy bar. Quần soóc jean siêu ngắn, áo hai dây khoét sâu, mũ cao bồi đội chặt trên đầu: tốp nữ nhân viên phục vụ bàn đang hết mình với show diễn, tung hứng với các loại chai, khêu gợi mời gọi khách hàng để kích động họ uống nhiều hơn nữa. Các cô nàng ấy thậm chí còn lần lượt leo lên quầy để lao vào những màn nhảy múa táo bạo không để người ta có cơ hội nghi ngờ: để làm việc tại Frantic, vòng ngực cỡ 95C sẽ hữu dụng hơn là biết cách pha chế cocktail margarita hay daiquiri.

Tôi chen lấn để tới được bên quầy và nhờ một cô nàng tóc đỏ vóc dáng uyển chuyển xăm đầy hình màu sắc rực rỡ xuống tới tận ngực mang ra ly Jack Daniel’s. Đó là cô nàng lớn tuổi nhất và béo tốt nhất trong đám phục vụ. Búi tóc tròn trĩnh của cô nàng, vắt vẻo trên đầu, khiến tôi nghĩ tới bức tranh của Toulouse-Lautrec: Nàng Phàm ăn tới Cối xay gió Đỏ.

- Chào, tối nay Elizabeth có làm ở đây không vậy?

- Ngay đầu kia quầy thôi anh yêu. Nhưng em trông anh có vẻ là một gã trai quá sức tử tế để có cơ hội với Lisa…

- Cám ơn vì lời khuyên.

Tôi nheo mắt và nhận ra cô gái mình đang tìm kiếm.

- Lisa!

Tôi giơ tay vẫy cô gái như thể chúng tôi là chỗ quen biết cũ. Tôi gần như chắc chắn cô không nhận ra tôi. Ít nhất thì tôi hi vọng thế. Cuộc gặp ngắn ngủi sáng nay chỉ kéo dài có vài giây. Elizabeth đã tặng cho tôi một cú đấm và tôi đã lập tức đưa tay lên che mặt để tự vệ.

Cô gái nhướn mày rồi tiến lại gần. Có lẽ nói cho cùng cô vẫn nhớ mặt tôi… Tôi mở lời trong tâm trạng khá lo lắng.

- Chào, cô chính là người học tại trường Julliard đó hả?

Nghe nhắc đến ngôi trường, cô có vẻ yên tâm hơn hẳn. Bỗng nhiên, cô không còn đơn thuần là một nhân viên phục vụ được tuyển vào làm tại một quán bar thảm thê chỉ nhờ thân hình bốc lửa, mà đường hoàng là một nữ sinh viên trong ngôi trường nghệ thuật danh tiếng.

- Ta có quen nhau sao?

Tôi lắc đầu rồi nặn ra một nụ cười mời gọi hơn.

- Không, nhưng có người đã khuyên tôi tới gặp cô.

- Ai kia, David hả?

Tôi còn nhớ đó là tên gã đàn ông mà cô gửi thư tình. Sau giây lát do dự, tôi quyết định chui vào hang cọp.

- Phải đấy, David bảo tôi rằng cô là một diễn viên xuất sắc. Và lời nhận xét đó đúng thật, vì tôi đang có một vai dành cho cô đấy.

Cô nàng nhún vai.

- Thôi ngay cái trò phỉnh phờ của anh đi…

Tôi đoán cô đang vừa tò mò vừa nghi hoặc. Hẳn là cô đã từng mắc lỡm nhiều lần…

- Chờ đã nào, tôi không đùa đâu!

- Quán đang đông khách, tôi phải tiếp tục công việc của mình thôi.

Tôi không để cô đi đâu.

- Tôi thực sự có một vai dành cho cô mà.

Cô gái ngước mắt nhìn lên vẻ chán ngán.

- Loại vai gì vậy?

- Một vai hơi đặc biệt, tôi nhượng bộ.

- Bỏ đi, tôi không quay phim con heo đâu, cô ta thở dài.

- Cô không diễn kiểu vai đó đâu! Đây là một vai phải mặc thêm đồ thì đúng hơn. Vai y tá.

- Nữ y tá chuyên ngủ với bệnh nhân chứ gì?

Tiếng nhạc oang oang. Gần như phải hét lên thì người này mới nghe thấy người kia nói gì.

- Không!

- Vậy thì ngủ với bác sĩ chăng?

- Không, nữ y tá này không ngủ với ai hết. Khỉ thật, cô bị ám ảnh mất rồi!

- Anh mới là người bị ám ảnh thì có!

- Tôi ấy hả?

- Đàn ông các anh.

Tôi lắc đầu vẻ phẫn nộ. Cô gái không nén nổi nụ cười.

- Tôi xin lỗi, tôi vừa trải qua một ngày thật tệ. Sáng nay có một gã biến thái đột nhập vào nhà tôi và cố gắng tấn công tôi trong lúc tôi đang tắm… Thôi nào, dù sao thì anh cũng đang đùa chứ gì, cô ta vừa nói vừa quay gót.

Tôi cố giữ cô ta lại nhưng cô đã đi sang đầu kia quầy, bị đám khách vây quanh, phục vụ thêm một chầu những cốc tequila cho mấy gã ở phố Wall lai vãng tới khu East Side.

Nàng Phàm ăn tiến lại gần và gợi ý tôi một ly whisky nữa.

- Em đã bảo anh rồi đấy thôi, anh bạn. Lisa không phải dạng con gái dành cho anh đâu.

- Tôi không hề tìm cách tán tỉnh cô ấy.

- Dễ gì bịp được em! Lisa thì ai chẳng tìm cách tán tỉnh cơ chứ.

Tôi rút ra một điếu thuốc; cô nàng quẹt diêm châm cho tôi.

- Cám ơn. David là ai thế? Bạn trai cô ta hả?

- Ừa, một hoạ sĩ.

Cô ta bĩu môi vẻ vừa nghi hoặc vừa ghê tởm rồi nói thêm:

- Nếu có thể gọi thứ đó là hội hoạ… Dẫu sao cũng có thể nói rằng cô nàng nghiện hắn ta, còn gã đần đó thì nghiện hàng trắng…

Tôi bỗng nhớ đến những tờ sao kê ngân hàng.

- Hắn moi tiền của cô ấy phải không?

- Làm sao anh biết được tài vậy?

Tôi lẩn tránh câu hỏi bằng cách nhả khói thuốc rồi cố gắng vòng qua quầy bar để thu hút sự chú ý của Lisa một lần nữa, nhưng đám đông càng lúc càng dày đặc đang dồn về quanh đây.

Nàng Phàm ăn đã bắt đầu rót đầy một loạt ly khác. Trước khi bỏ tôi lại, cô nàng tiết lộ một thông tin cơ mật:

- Lisa còn phục vụ ở đây chừng một tiếng nữa. Nếu anh muốn nói chuyện với cô ấy trong yên tĩnh, hãy tới chỗ Damato mà chờ.

- Damato ư?

- Một tiệm pizza mở cửa thâu đêm nằm ở góc phố 10 giao với phố Stuyvesant.

- Cô chắc là cô ấy sẽ đến chứ?

Cô nàng xua xua tay đuổi tôi đi.

- Em đã bảo anh xuống chờ dưới đó rồi mà.

1g36

Kể từ năm 1931, thế giới đã thay đổi,

nhưng pizza của chúng tôi vẫn ngon như thế.

Được lồng khung treo phía trên máy tính tiền, khẩu hiệu của Damato’s Pizza nhấn mạnh đến tính chất lâu năm và chính hiệu của tiệm, một trong những tiệm cuối cùng trong thành phố còn sử dụng lò củi.

Đó là một tiệm pizza nhỏ với cách bài trí cũ kĩ – khăn trải ca rô đỏ trắng, ghế dựa kiểu quán bình dân, đèn có chao rách nát -, nhưng không khí ấm cúng. Mùi cà chua và húng quế khiến bạn thèm ăn ngay khi bước qua ngưỡng cửa. Ngồi vào bàn từ một giờ nay, tôi đã kịp đánh chén một chiếc pizza làm từ thứ bột giòn tan rưới nhiều ly vang Valpolicella. Vì tiệm nhỏ xíu nên bà chủ - không lấy gì làm cởi mở - nhấn mạnh để khách hàng không nấn ná lâu trong tiệm một khi đã ăn xong. Vậy nên để giữ được bàn, tôi phải gọi thêm một chai bia. Phục vụ tiệm vừa mang chai bia ra cho tôi thì Lisa bước vào. Rõ ràng đây là khách quen. Cô chào chủ quán và hai anh chàng phục vụ đều bằng tên riêng

- Anh làm gì ở đây? cô nói luôn khi trông thấy tôi. Anh theo dõi tôi đấy à?

- Tôi mạn phép nói thế này nhé, cô mới là người theo dõi tôi thì đúng hơn, tôi ngồi đây đã được một tiếng rồi, tôi cố đùa để bầu không khí bớt căng thẳng.

- Và anh tưởng là mình tinh ranh lắm hả? cô nói rồi ngồi xuống đối diện với tôi.

Cô gái đã thay trang phục và lúc này cô mặc thêm quần tất dưới quần sóoc bò, áo vest ngắn gắn cài áo hình đầu lâu và đi đôi bốt nạm đinh tán. Trên tay cô là đôi găng hở ngón bằng đăng ten trắng; quanh hai cổ tay là hàng chục chiếc vòng bằng cao su mảnh, còn quanh cổ là một chuỗi hạt dài. Trên tai cô đeo đôi khuyên hình thánh giá. Một bản sao của Madonna thời Maripol.

Cô gọi một ly root beer cùng những lát bánh pizza mỏng kèm rau thơm phức. Tôi để cô bắt đầu cuộc trò chuyện.

- Tôi thậm chí còn không biết tên anh.

- Arthur Costello. Tôi là bác sĩ chuyên khoa cấp cứu tại Boston.

- Cái lời đề xuất về vai diễn đó là chuyện tào lao thôi phải không?

- Trái lại, là chuyện hết sức nghiêm túc ấy chứ, nhưng tôi cần một câu trả lời tức khắc.

- Vai diễn trong phim hay kịch?

- Kịch. Mà chỉ diễn một lần duy nhất thôi.

- Ai viết kịch bản?

- Đúng ra là chẳng ai viết hết. Tôi yêu cầu cô ứng tấu theo từng cảnh huống.

- Anh giỡn mặt tôi hay sao?

- Tôi tưởng ở trường nghệ thuật cô đã được học phép ứng tấu.

Cô gái lắc đầu.

- Cái tôi thích là những lời hay ý đẹp, những đoạn hội thoại được trau chuốt, những trích dẫn… Khi một diễn viên ứng tấu thì thường không được như ý.

- Đôi khi thôi, chứ đâu phải lúc nào cũng vậy. Một vài trong số những cảnh hay nhất trong điện ảnh là màn ứng tấu mà: đoạn độc thoại trước gương của Robert de Niro trong Tài xế taxi, cảnh ăn kem xé lòng trong Kramer chống lại Kramer. Cô biết đấy, lúc Dustin Hoffman cảnh báo con trai: “Billy, nếu con dám đưa thìa kem đó lên miệng…

- … con sẽ gặp những rắc rối cực cực lớn.” Tôi thuộc lòng bộ phim này. Cảnh đó không hề mang tính ứng tấu.

Cô gái nói xong bèn nhìn chòng chọc vào mắt tôi, và ánh mắt màu xanh dầu mỏ ấy dữ dội đến mức tôi không thể làm ngơ.

- Tôi chắc chắn đó là ứng tấu mà, cuối cùng tôi lên tiếng.

- Cứ cho là thế đi, cô gái nhún vai đáp. Thế vở kịch mà anh nói sẽ được trình diễn ở rạp nào?

- Rạp hát cuộc đời. “Cả thế giới là một rạp hát, và…

- … tất cả, đàn ông lẫn đàn bà, đều chỉ là diễn viên trong rạp hát đó,” tôi biết chứ. Tôi cũng thế, tôi đã ôn lại bài trước khi tới đây. Được thôi, thôi ngay cái trò vòng vo tam quốc đi: kế hoạch là như thế nào?

- Cô nói đúng, tôi nên thẳng thắn thì hơn. Sự thật là tôi đang cố giải cứu ông nội mình khỏi một bệnh viện tâm thần.

Cô gái ngước mắt nhìn lên vẻ chán ngán, tuy thế không tìm cách ngắt lời tôi.

- Cô muốn biết kế hoạch cụ thể thế nào thì đây: sáng ngày mai, đúng 7 giờ, cô sẽ mặc đồ y tá rồi cùng tôi vào bệnh viện Blackwell. Ông nội tôi sẽ vờ lên cơn đau tim. Chúng ta sẽ đặt ông nằm lên cáng rồi khiêng lên xe cứu thương và rút khỏi bệnh viện càng nhanh càng tốt. Nửa tiếng sau cô sẽ được về nhà. Cô sẽ cất tiền vào túi rồi không bao giờ còn nghe nhắc tới tôi nữa.

Cô gái để vài giây trôi qua, nhấp một ngụm root beer rồi cười phá lên.

- Anh chắc phải nạp những thứ nhiên liệu kì quặc lắm nhỉ.

Tôi lấy vẻ nghiêm trang nhìn thẳng vào mặt cô.

- Tôi hoàn toàn nghiêm túc và hết sức trong sạch.

Cô ngừng cười. Mái tóc vàng của cô đang rối tung, cô hất ra sau rồi buộc gọn lại bằng dây buộc vải sẫm màu.

- Ông nội mà anh nhắc đến là có thật chứ?

Tôi gật đầu.

- Ông tên là Sullivan Costello.

- Và tại sao anh lại tìm cách đưa ông ra khỏi bệnh viện?

- Vì lý do duy nhất đáng kể.

- Anh nghĩ rằng ông ấy không điên chăng, cô đoán thử.

- Cô hiểu rõ ngọn ngành rồi đấy.

- Nhưng tại sao lại là tôi? Chúng ta đâu có quen biết nhau. Anh không nhờ được ai trong số bạn bè mình sao?

- Tôi cần một người chuyên nghiệp, và lại tôi không có bạn. Dẫu sao cũng không phải bạn kiểu này.

- Kiểu bạn ta có thể gọi lúc 3 giờ sáng để họ giúp ta phi tang một cái xác chứ gì?

Lần này, tôi là người mỉm cười với cô nàng.

- Xin lỗi, nhưng tôi không thể đồng cam cộng khổ cùng anh trong vụ này được, cô nói rồi cắn một miếng bánh mì pizza.

Tôi chìa cho cô chiếc phong bì bên trong đựng tám nghìn đô.

- Đây là toàn bộ số tiền tôi có, tôi nói, ý thức được rằng mình đang ngả quân bài cuối cùng.

Cô mở chiếc túi giấy bồi ra rồi nhìn tệp tiền mệnh giá năm mươi đô hồi lâu. Hai đồng tử trong mắt cô lấp lánh, nhưng không hề có ánh tham lam. Tôi biết cô đang nhìn thấy trong tệp tiền này lối thoát cho hoàn cảnh hiện nay của mình: nhiều tháng tiền thuê nhà được thanh toán và khoản nợ ngân hàng được hoàn trả. Giảm bớt những đêm vất vả với chân phục vụ bàn trong cái chỗ tồi tàn như Frantic, tự biến mình thành con mồi cho bọn đàn ông ngà ngà say chẳng khác nào một vũ công hộp đêm. Có thêm thời gian để ở nhà đọc những vở kịch của Sam Shepard và những cuốn tiểu thuyết của John Irving, cuộn mình trên tràng kỷ với chú mèo Remington, tách trà Early Grey trong tầm tay.

Cô ngập ngừng hồi lâu, nhìn tôi bằng đôi mắt ánh lên nỗi mệt nhọc, tự hỏi thật ra tôi là ai, cố đoán biết liệu đằng sau vẻ ngoài tử tế của tôi có lẩn khuất con quỷ dữ nào không. Cô mới hai mươi tuổi, cô còn trẻ, hơi huênh hoang, hơi tự đắc, hơi tuyệt vọng. Bỗng một hình ảnh chớp nhoáng vụt hiện ra trong tâm trí tôi: hình ảnh thoáng qua của cô gái tên Elizabeth khi đã nhiều tuổi hơn, tự tin hơn, gần gũi tôi hơn, nhưng khắc khoải day dứt vì những vấn đề khác. Sau đó ảo ảnh ấy mờ dần rồi biến mất.

- Toàn bộ chuyện này quá mạo hiểm, cô nói dứt khoát rồi đẩy chiếc phong bì đã được đóng kín lại về phía tôi.

- Tôi đâu có yêu cầu cô cướp ngân hàng.

- Tôi vừa nói rồi, chuyện này quá nguy hiểm.

- Không nguy hiểm hơn việc sống chung với một tên nghiện đâu.

Câu trả lời của tôi buột ra, phũ phàng, không đúng lúc. Elizabeth nhìn tôi sắc lẹm.

- Anh là ai mà cho mình cái quyền phát xét người khác vậy?

- Tự chuốc nợ về mình để mua ma tuý cung phụng bạn trai là một hành động không lấy gì làm khôn khéo.

- Anh không hiểu được đâu, David cần thứ đó mới sáng tác được. Anh ấy…

- Lý do nghe hay ho gớm! Tôi là bác sĩ và tôi có thể cam đoan với cô rằng điều tốt đẹp nhất có thể đến với chàng nghệ sĩ của cô, đó là cai nghiện. Hỏi nghiêm túc nhé, tại sao cô lại bám lấy anh ta thế?

- Bởi vì tôi yêu anh ấy, cô gái đáp lại với vẻ hết sức khinh miệt.

Mắt cô ầng ậc nước. Cằm cô bắt đầu run lên trong một cơn điên giận mà chẳng mấy chốc bản thân cô sẽ không thể kìm nén nữa.

- Và anh làm tôi bực mình đấy, đồ ngu! Cô hét lên rồi hất cả ly root beer vào mặt tôi.

Cô đứng dậy hất đổ cả chiếc ghế dựa rồi rời khỏi quán.

Tôi không thể trăm trận trăm thắng được.

2g21

Khi tôi quay lại chỗ đậu chiếc xe cứu thương thì thấy hai gương chiếu hậu bên ngoài xe đều đã bị bẻ gãy. Rõ ràng là một tên nghiện nào đó đã cố phá xe – để chôm thiết bị y tế, hay đúng hơn là các loại thuốc men -, nhưng hẳn là tâm trí gã không đủ tỉnh táo, bởi chiếc xe van đã chống chọi lại được những đợt tấn công đó. Thế nên tên nghiện đã tức điên lên và trút giận lên hai kính chiếu hậu. Lối chơi của khu phố này…

Ngồi sau tay lái chiếc “siêu xe”, tôi rời East Village, ngược về phía Gramercy, đồi Murray và Midtown. Muốn tới đảo Roosevelt bằng ô tô thì buộc phải lái vòng một đoạn dài qua Queens để sau đó quay ngược lại và tiến vào đoạn đường nhánh dẫn lên cầu đảo Roosevelt, lối vào duy nhất dành cho xe cơ giới. Tôi tới chân cầu lúc 3 giờ sáng.

Tôi vượt qua eo biển rồi đỗ chiếc xe cứu thương ngay gần bệnh viện, tại một bãi đỗ xe lộ thiên có rào chắn trông ra phía đường chân trời. Trên radio đang phát những bản nhạc jazz kinh điển. Tôi hạ kính xe. Bị ru theo tiếng saxophone uể oải của Stan Getz, tôi vừa hút thuốc vừa nhìn dãy cao ốc chọc trời bên kia sông. Ta vẫn còn ở Manhattan và cùng lúc đã ở xa. Những dao động, những tiếng rì rầm, những ánh sáng của thành phố chỉ cách có vài chục mét, thế mà như đã ngoài tầm với.

Vừa gần đến thế vừa xa đến thế…

Tôi thấy trong quang cảnh này chút gợi nhắc đầy bối rối về những gì tôi đang trải qua: bấy giờ tôi cùng lúc vừa sống đời mình lại vừa ở bên ngoài đời mình. Cùng lúc là chính mình vừa ở bên ngoài mình.

Tôi búng đầu mẩu thuốc xuống đường, đầu ngả vào tấm dựa phía sau rồi nhắt mắt, tranh thủ chìm vào giấc ngủ chập chờn.

10.

Cốc, cốc, cốc!

Một cơn rùng mình, Trên mặt tôi là ánh sáng của những tia nắng đầu tiên. Rồi hình ảnh Elizabeth Ames đang gõ vào cửa kính xe.

Tôi hốt hoảng liếc đồng hồ đeo tay.

Khỉ thật! 6g55.

Tôi mở cửa xe.

- Điều gì khiến cô quyết định tới đây vậy?

- Tiền, còn gì khác chứ? Cô đáp trong khi tôi khởi động xe. Nhân tiện, anh phải thanh toán trước đã.

Tôi lục túi trong rồi đưa cho cô chiếc phong bì trong khi miệng lầm bầm rủa xả bản thân vì đã ngủ quên.

- Xin lỗi, nhưng ta không có thời gian để tập dượt đâu, tôi vừa nói vừa bật đèn hiệu gắn trên nóc xe.

- Đối với một tín đồ của thuật ứng tấu như anh, chuyện này không phải vấn đề gì lớn. Nhân tiện, anh có cung cấp phục trang không?

- Tôi đã gom các đồ dùng cần thiết ở đằng sau xe rồi. Cô có thể mặc giúp tôi chiếc áo blu và đeo ống nghe vào không?

Bất chấp ổ gà rải rác trên mặt đường, tôi vẫn tăng tốc với hi vọng mọi chuyện sẽ diễn ra đúng như đã dự kiến tại tầng tám bệnh viện Blackwell. Nếu ông Sullivan thực hiện đúng theo kế hoạch đã thoả thuận, hẳn ông đang vờ lên cơn nhồi máu cơ tim. Tôi hình dung cô y tá đẩy cửa phòng để bắt đầu vòng thăm bệnh buổi sáng và thấy ông nội tôi, hai tay đang ôm chặt lồng ngực bên trái, như bị một cơn đau đột ngột quật ngã. Tôi như nhìn thấy ông Sullivan, vài phút trước đó, với nụ cười trên môi, vã nước lên mặt để giả làm mồ hôi rồi chống đẩy liên tục vài chục cái để khiến thân nhiệt tăng cao. Nếu ông lão vẫn còn tỉnh táo thì kế hoạch sẽ suôn sẻ thôi. Khi nhìn thấy ông lên cơn khó ở như vậy, cô y tá hẳn sẽ nhấc điện thoại lên để gọi xe cứu thương.

- Cấp cứu tới đây! tôi hét lớn rồi lái chiếc xe hụ còi inh ỏi tiến vào bãi đỗ.

Tôi đỗ chiếc xe cứu thương trước lối vào bệnh viện , giở bánh xe của băng ca ra. Tôi tiến nhanh vào đại sảnh cùng “nữ phụ tá”.

- Cấp cứu đón bệnh nhân tầng tám! Tôi hét lớn rồi đi thẳng về phía dẫy thang máy.

Một thang máy vừa xuống tới nơi. Chúng tôi ùa vào rồi Elizabeth bấm nút thang. Trong khi buồng thang máy chạy qua các tầng, tôi kiểm tra lại dụng cụ - túi khám bệnh, máy khử rung, va li cấp cứu chuyên dụng -, hít một hơi dài như xua đi nỗi lo lắng, rồi tôi lên tiếng để bầu không khí bớt phần căng thẳng:

- Chiếc áo blu này hợp với cô thật đấy. Rất… vui mắt.

Tất cả những gì tôi nhận được thay cho lời đáp là ngón giữa giơ lên, chĩa thẳng về phía tôi.

Hai cánh cửa mở ra trong tiếng lọc xọc.

- Phía cuối hành lang!

Lao vào phòng 712, tôi nhìn thấy Sullivan đang nằm dài trên giường, một nữ y tá đứng nơi đầu giường. Mặt ông ướt đẫm và co rúm lại, tay phải áp vào ngực.

- Để đó chúng tôi lo! Tôi bảo người phụ nữ mặc đồ trắng rồi để các dụng cụ của mình lên một chiếc bàn lưu động.

- Nhưng… các người là ai mới được? chị ta lắp bắp.

Thậm chí trước khi cả tôi kịp mở miệng, Elizabeth đã lên tiếng:

- Bác sĩ Hayes, bác sĩ Addison.

Tôi bắt đầu tiến hành các động tác căn bản trên “người bệnh”: nghe bệnh nhanh, bắt mạch, đo huyết áp, đặt miếng dán điện cực để chạy máy sốc điện.

Elizabeth nhìn chiếc máy rồi ra lệnh bằng giọng khá thuyết phục:

- Anh không thấy đây là một cơn nhồi máu cơ tim sao? Chúng ta khẩn trương chuyển bệnh nhân tới Mount Sinai thôi!

Chúng tôi đặt ông Sullivan nằm lên cáng. Trong khi chúng tôi băng qua hành lang, tôi chụp lên mặt ông một mặt nạ dưỡng khí. Nữ y tá theo chúng tôi vào thang máy, chi tiết này tạo cho Elizabeth cơ hội hoàn thiện vai diễn của mình bằng cách thét bảo tôi:

- Addison, đặt đường tĩnh mạch rồi tiến hành tiêm aspirin đi thôi!

Cửa thang máy mở ra. Chúng tôi chạy hết tốc lực xuyên qua đại sảnh không một bóng người để ra tới xe cứu thương.

Công đoạn khó khăn nhất đã hoàn thành!

Tôi đẩy ông Sullivan vào khoang sau xe. Tôi thấy rõ là ông đang phì cười sau mặt nạ dưỡng khí. Thậm chí ông còn giơ ngón cái về phía tôi, và tôi như thể nghe thấy ông nói:

“Diễn tốt đấy, nhóc.”

Gương mặt tôi phác ra một nụ cười, tôi ngoái lại và…

11.

Được tung ra không chút dè dặt, cú dùi cui đầu tiên của nhân viên bảo vệ trúng vào bụng dưới khiến tôi nghẹt thở. Cú thứ hai trúng ngay lồng ngực khiến tôi ngã lăn ra đất.

Tôi nằm sóng soài trên nền đất, đầu lấm bùn, trước mặt chấp chới hình ảnh mờ ảo của chiếc xe cứu thương. Phù hiệu của bệnh viện đa khoa Massachusetts dán trên chiếc xe thùng kia hẳn đã khiến viên bảo vệ vừa ra tay tôi đề cao cảnh giác. Giọng của Nhị Diện, gã y tá có gương mặt bị bỏng, cất lên sau lưng tôi:

- Để ý đấy, Greg, hắn ta không chỉ có một mình!

Trong khi gã chạy vội tới để chặn chiếc xe cứu thương, chiếc xe đã bất thần khởi động. Hai gã ngốc cố gắng chạy theo chừng năm chục mét hòng cản chiếc xe lại nhưng chúng không có bất cứ cơ may nào khi đối diện với động cơ V8.

Chúng bực bội quay về phía tôi và tôi đoán là mình sắp trở thành cái bao cát để chúng trút cơn thịnh nộ.

- Mày ấy à, ngay từ khi gặp mày tao đã thấy có vấn đề rồi, Nhị Diện nói đoạn tống cho tôi một cú đá vào mạng sườn.

- Bình tĩnh đi nào, chúng ta sẽ cho hắn vào phòng cách ly trong lúc chờ cảnh sát đến.

Hắn giật tung áo blu của tôi rồi túm lấy vạt áo sơ mi kéo tôi vào bên trong bệnh viện. Tôi lại đi thang máy, nhưng lần này là dưới sự kèm cặp ráo riết và thẳng hướng tầng hầm. Đến cuối hành lang, tôi khám phá ra thứ được gọi là “phòng cách ly”: một căn phòng nhỏ xíu, ốp đệm múi chần, hai gã đàn ông thẳng tay quẳng tôi vào đó không chút nể nang.

Cách cửa phòng khép lại trước mắt tôi và tôi còn lại một mình, bị giam trong cái quách này, cố gắng không để mình bị chứng sợ chỗ kín xâm chiếm.

Bây giờ thì sao đây?

Tôi tự an ủi mình khi nghĩ đến chuyện ông Sullivan đang được tự do. Tôi có lý khi đã cố gắng. Tôi đã theo kế hoạch của mình đến cùng và nó đã thành công.

Sém chút nữa là thành công mỹ mãn.

Chừng mười lăm phút sau, tôi nghe thấy có tiếng người nói chuyện ngày càng lớn dần. Rồi giọng nói vang rền như sấm của gã bảo vệ cất lên:

- Hắn bị nhốt trong này, thưa trung uý.

- OK, Greg. Tôi sẽ giải hắn đi.

Trong khi người ta mở chốt cửa, một mùi hoa cam ngòn ngọt và hăng hắc lan toả trong căn phòng hẹp khiến tôi nôn nao. Cùng lúc, tôi cảm thấy trống ngực đập dồn và cơn đau nửa đầu bỗng nhiên xoáy vào óc. Tôi thấy ngạt thở, mắt nhói buốt rồi cái cảm giác gần như quen thuộc khi mặt đất hẫng đi dưới chân và tôi rơi tõm vào khoảng không.

Tiếng cánh cửa mở ra nghiến ken két bên tai tôi, nhưng tôi đã không còn ở đó nữa rồi.

Rồi tiếng kêu thốt sau cùng của gã Nhị Diện:

- Mẹ kiếp, thằng ngu đó biến đâu mất rồi?

1994

Elizabeth

Yêu là chuyến phiêu lưu không bản đồ hay la bàn,

trong đó chỉ duy có sự cẩn trọng sẽ khiến ta lạc lối.

Romain GARY

0.

Tiếng rì rầm xa xăm của radio hay ti vi. Một màn sương. Một màn sương dày đặc, đen đúa. Một cảm giác khó chịu, nhưng từ nay về sau đã trở nên quen thuộc: hai mí mắt sưng phồng như bị hàng cân chì trì níu. Cơn khó thở này. Và cả cơn mệt mỏi đè nặng đến mức gần như rã rời này.

Tôi mở mắt. Tôi đang nằm dài trên sàn nhà bằng gỗ. Những thanh ván ốp sàn vẫn còn nồng mùi xi. Xung quanh tối om. Không khí nóng như thể máy sưởi đã được bật hết công suất trong nhiều giờ. Tôi đứng lên với cảm giác e sợ. Xương khớp kêu răng rắc khiến tôi có cảm giác xương cốt mình sắp gãy. Tôi dụi mắt, nhìn một lượt khắp xung quanh.

Tôi đang ở… trong một căn hộ chìm trong cảnh tranh tối tranh sáng. Một căn hộ áp mái lộn xộn giống với xưởng vẽ. Có những giá vẽ, những bức tranh trừu tượng, những bình xịt cùng những hũ màu vẽ rải khắp sàn, một chiếc pizza ăn dở trên mặt bàn thấp bằng gạch nén.

1.

Trên một tầng giá, chiếc radio báo thức kỹ thuật số chỉ 3 giờ sáng. Tôi lại gần vách kính chạy suốt chiều dài tường. Căn cứ vào độ cao, căn hộ hẳn là nằm ở tầng bốn hoặc tầng năm toà nhà. Đường phố bên dưới vẫn sáng rõ. Kiến truc khu phố chủ yếu là những toà nhà gạch xây kiểu tiền chiến và những cast-iron building thanh lịch với cầu thang bộ bố trí bên ngoài và cửa vòm trau chuốt. Nheo mắt lại, tôi thấy rõ nhiều galery nghệ thuật trông thẳng ra phố. Một trong số đó mang biển hiệu dạ quang: số 18 phố Mercer. Vậy là tôi đang ở khu SoHo.